

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2018

BIÊN BẢN
HOÀN THÀNH ĐỢT KHẢO SÁT CHÍNH THỨC
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-KĐCLGD ngày 26 tháng 2 năm 2018 đã được điều chỉnh bản Quyết định số 49/QĐ-KĐCLGD ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam về việc thành lập Đoàn đánh giá ngoài cấp cơ sở giáo dục tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã tiến hành khảo sát chính thức tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Thời gian: Từ ngày 7/4/2018 đến ngày 11/4/2018

Thành phần:

1. Tổ chức KĐCLGD gồm:

- PGS.TS. Nguyễn Phương Nga, Giám đốc;
- Ông Nguyễn Anh Tuấn, Chánh Văn phòng, cán bộ hỗ trợ hành chính cho Đoàn đánh giá ngoài.
- ThS. Tống Thành Trung, Cán bộ hỗ trợ hành chính cho Đoàn Đánh giá ngoài;

2. Đoàn đánh giá ngoài gồm:

- GS.TSKH. Bành Tiến Long, Trưởng Đoàn;
- ThS. Đinh Tuấn Dũng, Thư ký;
- GS.TS. Nguyễn Công Khẩn, Thành viên thường trực;
- GS.TS. Nguyễn Quang Đông, thành viên;
- PGS.TS. Nguyễn Văn Uyên, Thành viên;

3. Học viện Báo chí và Tuyên truyền:

- PGS.TS. Trương Ngọc Nam, Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng TĐG;
- PGS.TS. Lưu Văn An, Phó Giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng TĐG;
- PGS.TS. Nguyễn Vũ Tiến, Phó Giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng TĐG;
- PGS.TS. Phạm Huy Kỳ, Phó Giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng TĐG;
- TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa, Giám đốc TT KT&ĐBCLĐT, Thư ký Hội đồng TĐG.

Tóm tắt các công việc Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện trong các ngày làm việc tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền (phụ lục kèm theo).

Hai bên cùng ký biên bản hoàn thành đợt khảo sát chính thức vào lúc 16 giờ 30 ngày 11 tháng 4 năm 2018.

**TM. ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI
TRƯỞNG ĐOÀN**

**HV BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
GIÁM ĐỐC**




GS.TSKH. Bành Tiên Long

PGS.TS. Trương Ngọc Nam

**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
GIÁM ĐỐC**



PGS.TS. Nguyễn Phương Nga

PHỤ LỤC

Tóm tắt các công việc Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện trong các ngày làm việc tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền:

1. Tóm tắt nội dung thảo luận với Lãnh đạo Học viện và Hội đồng TĐG

Lãnh đạo Học viện và Chủ tịch Hội đồng Tự đánh giá đã cung cấp nhiều thông tin có giá trị cho Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài về vấn đề chiến lược phát triển, về mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của Học viện, HTQT, tài chính, phát triển chương trình đào tạo, công tác quản lý và tổ chức, công tác quản lý sinh viên, cơ sở vật chất v.v...

2. Các phát hiện khi nghiên cứu các hồ sơ, tài liệu do Học viện cung cấp

Hồ sơ, tài liệu minh chứng được sắp xếp bố trí ngăn nắp.

3. Các phát hiện khi thăm và thảo luận tại các khoa, phòng, ban; thăm viện nghiên cứu, thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, ký túc xá ...

Ký túc xá rộng rãi, sạch sẽ; các phòng làm việc rộng rãi, có đầy đủ các điều kiện làm việc. Các phòng học sạch sẽ. Khuôn viên Học viện rộng rãi, nhiều cây xanh, thông thoáng...

Đoàn ĐGN đã phỏng vấn qua điện thoại về tình hình việc làm của 241 sinh viên tốt nghiệp năm 2015 và 2016. Kết quả có 233 người, chiếm tỉ lệ 96,68% trả lời là có việc làm.

Đoàn đã kiểm tra ngẫu nhiên tài liệu quy định trong đề cương chi tiết học phần so với số tài liệu hiện có ở thư viện. Tổng số tài liệu, giáo trình quy định trong đề cương chi tiết học phần là 23, tài liệu tham khảo quy định trong đề cương chi tiết học phần là 45. Qua kiểm tra, thư viện có 20 giáo trình và 42 tài liệu tham khảo.

4. Các phát hiện khi quan sát các hoạt động chính khoá và ngoại khoá

Các lớp học tại khu giảng đường theo thời khóa biểu. Có một số lớp học thể dục tại sân thể thao khu ký túc xá.

5. Các phát hiện khi thảo luận với các giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,

người sử dụng lao động, người học và các đối tượng khác

Các đối tượng tham gia phỏng vấn đã nhiệt tình trao đổi thẳng thắn, cởi mở với Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài:

5.1. Thảo luận với học viên cao học và nghiên cứu sinh

- ***Yêu cầu của Đoàn ĐGN: 20 người đến 30 người***
- ***Có mặt phỏng vấn theo danh sách: 26/26 người***
- ***Số người tham gia trả lời phiếu khảo sát: 26 người***

Điểm mạnh

1/ Về Đào tạo:

- Đa dạng, khoa học và sát với thực tiễn.
- Chương trình được phân chia cụ thể và tương đối rõ ràng.
- Kế hoạch học tập và giảng dạy được thông báo cho lớp và học viên thông qua email/fanpage/facebook... trực tiếp.
- Tài liệu tham khảo đầy đủ.
- Đào tạo tốt đáp ứng nhu cầu.
- Đảm bảo yêu cầu nghiên cứu của học viên.
- Chương trình tương đối phù hợp đã có sự mở rộng từ lý thuyết đến thực hành.

2/ Về Nghiên cứu khoa học:

- Các đề tài nghiên cứu khoa học hướng nhiều về các địa phương, đơn vị, có tính ứng dụng thực tế cao
- Riêng với khoa Báo chí được biết rằng: “Sinh viên được làm đề tài nghiên cứu khoa học với thầy cô từ bậc đại học”.
- Hỗ trợ nghiên cứu khoa học tốt.
- Nhà trường có đầy đủ tài liệu và công nghệ cho các nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu khoa học và nhiều đề tài phong phú đa dạng cho sinh viên.
- Học viên được tham dự các hội thảo khoa học, viết bài đăng tạp chí của Học viện.

3/ Về Tài chính:

- Tài chính đóng góp phù hợp với các đối tượng tham gia học, mức học phí hợp lý.

4/ Về hoạt động hỗ trợ giảng viên:

- Cơ bản đáp ứng được hoạt động giảng dạy.
- Giảng viên nhiệt tình tận tâm giảng dạy đúng với đề cương học phần có nhiều phương pháp giảng dạy phù hợp, hướng dẫn chu đáo tỉ mỉ.

5/ Về hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động khác:

- Có nhiều chương trình giúp cho học viên nghiên cứu các mô hình thực tế tại các đại phương đơn vị.

- Các bộ phận phòng ban liên quan đều hỗ trợ tốt học viên.
- Về hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động khác cơ bản đầy đủ tạo điều kiện cho cao học và nghiên cứu sinh.

- Giảng viên nhiệt tình tâm huyết hướng dẫn học viên.

6/ Về cơ sở vật chất:

- Đầy đủ , đáp ứng nhu cầu về lý thuyết và thực hành, tiêu chuẩn giảng dạy.
- Phục vụ tốt, đảm bảo yêu cầu học tập và nghiên cứu.

Kiến nghị

1/ Về Đào tạo:

- Cần cập nhật thông tin các môn học đầy đủ.
- Tăng cường thêm thời gian tự nghiên cứu.
- Mời thêm các giảng viên thỉnh giảng là chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo đến giảng chia sẻ và trao đổi với học viên.

- Tăng thêm giờ đào tạo kỹ năng.
- Khái quát hơn trương trình đào tạo đảm bảo chương trình phù hợp với các vị trí nghề nghiệp.

- Có thêm các chương trình đào tạo trực tuyến.
- Tăng thời gian đi học nghiên cứu thực tế.
- Chương trình đào tạo có thể nghiên cứu theo hướng trực tuyến giúp cho học viên cao học nghiên cứu sinh tiếp cận tốt hơn.

- Cần tăng cường các môn học kỹ năng đi thực tế nhiều hơn.
- Để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp cần khảo sát nhu cầu học viên nhất là học viên đã tốt nghiệp và khảo sát nhu cầu của xã hội liên quan đến ngành học.
- Nên duy trì chương trình đào tạo hiện tại và nên hội thảo nhiều hơn với sinh viên để qua thực tiễn hỗ trợ cho lý luận.
- Cụ thể hơn các chương trình đào tạo trên website trường.
- Kéo dài thời gian nghiên cứu, tăng cường tương tác giữa Học viện và nghiên cứu sinh.

2/ Về Nghiên cứu khoa học:

- Có nhiều hướng nghiên cứu khoa học hơn.
- Tăng cường các trao đổi học thuật, định hướng về nội dung đề tài.
- Cùng sinh viên thực hiện hoặc hướng dẫn nghiên cứu khoa học.
- Tăng cường việc định hướng và hỗ trợ sinh viên thực hiện các đề tài khoa học có liên quan đến đề tài của học viên.
- Cần có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, hội thảo khoa học hơn nữa để nghiên cứu sinh tham gia tốt hơn.
- Có tạp chí điện tử để đăng bài của học viên.
- Với nghiên cứu sinh khoa chủ quản nên tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh tham gia hội thảo cấp quốc gia liên quan đến chuyên ngành đào tạo.
- Thường xuyên gắn bó với các thầy cô hướng dẫn hợp tác sâu để tạo ra sản phẩm cho xã hội.
- Tạo thêm nhiều cơ hội, các chương trình hỗ trợ cho các học viên tham gia nghiên cứu khoa học viết các bài báo khoa học.
- Trang bị thêm những phương pháp nghiên cứu một cách cụ thể để học viên giải quyết được vấn đề một cách thuận lợi và chuẩn xác hơn.

3/ Về Tài chính:

- Chú trọng hơn trong vấn đề tài chính để nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà trường.
- Giảm hơn nữa đóng góp của NCS cho các khoản chi cố định.

- Tạo điều kiện liên kết với các dự án để NCS có thể tham gia.
- Tăng chế độ bồi dưỡng giảng dạy, hướng dẫn ngoài giờ.
- Hỗ trợ học viên trong việc công bố các tài liệu quốc tế, hỗ trợ kinh phí nhiều hơn trong nghiên cứu khoa học.
- Có gói học bổng cho cả cao học, nghiên cứu sinh (để khuyến khích).
- Có thể hỗ trợ một phần kinh phí cho các khóa cao học, NCS tham gia các chuyến đi nghiên cứu thực tế tại các địa phương.

4/ Về hoạt động hỗ trợ giảng viên:

- Để có hiệu quả cao hơn thì cần phải đầu tư hơn nữa trong việc hỗ trợ giảng viên để các thầy, cô giáo đầu tư nhiều thời gian cho giảng dạy.
- Mạnh dạn huy động nghiên cứu sinh hỗ trợ giảng viên trên giảng đường.
- Kiểm tra lại hệ thống thiết bị đảm bảo sự tương thích và vận hành trơn tru giảm thiểu sự cố có thể xảy ra.
- Tạo cơ chế chính sách tốt hơn cho giảng viên.
- Đầu tư thêm cơ sở vật chất phương tiện hiện đại cho giảng viên.
- Áp dụng cải tiến phương tiện hỗ trợ giảng dạy cho giảng viên.
- Cần tăng thêm chế độ bồi dưỡng cho giảng viên dạy vào thứ Bảy, Chủ nhật.
- Nhà trường có thể bố trí người chuẩn bị chu đáo một số thiết bị như mic, điều khiển máy chiếu... giảm thiểu công việc cho cán bộ lớp.
- Tổ chức nhiều hoạt động để tăng tương tác với giảng viên.
- Đề xuất đánh giá giảng viên sau mỗi học phần.

5/ Về hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động khác:

- Cần có nhiều chương trình đào tạo đa dạng phong phú hơn nữa.
- Thường xuyên gặp gỡ trao đổi với các NCS.
- Tăng cường tương tác với người học.
- Có nhiều chương trình cho học viên để nghiên cứu các lĩnh vực thực tế tại các địa phương đơn vị.
- Các môn học có thể mời nhiều hơn các chuyên gia bên ngoài để có nhiều case study thực tiễn cho học viên.

- Cần xây dựng thời gian và tiến độ để NCS phải hoàn thành đúng thời gian quy định.

- Cung cấp nhiều nguồn tư liệu hơn nữa.
- Tổ chức hoạt động thực tế hơn.

6/ Về cơ sở vật chất:

- Tăng cường hơn nữa cơ sở vật chất nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học.

- Kết nối với các kho tư liệu quốc tế.

- Cần tăng cường cơ sở vật chất để đảm bảo các hoạt động giảng dạy và học tập.

- Nâng cấp, sửa chữa các nhà vệ sinh bị, mất thiết bị.

5.2. Thảo luận với Giảng viên

- ***Yêu cầu của Đoàn ĐGN: 25 người đến 30 người***
- ***Có mặt phỏng vấn theo danh sách: 28/28 người***
- ***Số người tham gia trả lời phiếu khảo sát: 28 người***

Điểm mạnh

1/ Về Nghiên cứu khoa học:

- Đã tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên và sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.

2/ Về Tài chính:

- Kinh phí được phân bổ hợp lý cho các hoạt động

3/ Về hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động khác:

- Đã có hỗ trợ cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

Kiến nghị

1/ Về Đào tạo:

- Hoàn thiện các phần mềm nhập điểm cho sinh viên

- Tăng cường sự hợp tác chia sẻ giữa các bộ phận, đặc biệt là Ban Quản lý đào tạo với các khoa.

- Chương trình đào tạo cần được cập nhật nhưng cũng không nên có nhiều quá nhiều biến động trong thời gian ngắn.
- Đẩy mạnh hoạt động liên kết đào tạo với các trường đại học có uy tín lớn trong khu vực và trên thế giới
- Sắp xếp lịch học và lịch thi cho hợp lý hơn.
- Cho phép sử dụng phòng máy để tổ chức thi kết thúc học phần cho sinh viên
- Khung chương trình đào tạo của mỗi chuyên ngành (đặc biệt là hệ Đại học) nên sử dụng ít nhất từ 2-3 khóa để tạo sự ổn định và phát triển chất lượng đào tạo về chiều sâu.
- Cần tăng cường và nâng cao chất lượng giờ học thực hành cho sinh viên.
- Bồi dưỡng thêm về kiến thức, phương pháp giảng dạy, trình độ ngoại ngữ cho giảng viên
- Giảm số lượng sinh viên một lớp tín chỉ (không quá 50 sinh viên/lớp).
- Nâng cao chất lượng giáo trình
- Đẩy mạnh truyền thông về những mặt mạnh, xu hướng phát triển về những ngành đào tạo truyền thông để nâng cao chất lượng đào tạo, tuyển sinh.
- Hỗ trợ giảng viên được tham gia các khóa học ngắn hạn, nâng cao trình độ ngoại ngữ.
- Nâng cấp phần mềm đăng ký tín chỉ.

2/ Về Nghiên cứu khoa học:

- Cần phân bổ các đề tài khoa học phù hợp với các đối tượng nghiên cứu.
- Tăng thêm các nguồn tài liệu và các nghiên cứu nước ngoài trong thư viện.
- Tạo điều kiện để các giảng viên tham gia vào nghiên cứu khoa học đối với các đề tài cấp cơ sở
- Hiện đại hóa hơn nữa thư viện, đa dạng hóa tài liệu và giáo trình
- Hỗ trợ giảng viên tham gia Hội thảo khoa học quốc tế và viết bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế.

- Tăng cường kinh phí cấp cho các đề tài khoa học để tạo động lực cho giảng viên nghiên cứu.
- Có cơ chế mở để giảng viên trẻ được chủ nhiệm đề tài
- Mời các giáo sư giỏi về giảng dạy lý thuyết, phương pháp nghiên cứu mới.
- Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học để phục vụ hoạt động giảng dạy.
- Tăng thêm số lượng nghiên cứu khoa học hàng năm.

3/ Về Tài chính:

- Tăng cường nguồn tài chính cho các đề tài khoa học.
- Bổ sung kinh phí cho các hoạt động thực tế.
- Tăng số tiền trả tính theo giờ giảng dạy cho giảng viên, kinh phí coi thi.
- Các thủ tục thanh toán tiền thù lao giảng dạy cho giảng viên được tiến hành nhanh hơn.
- Nâng cao phúc lợi xã hội.
- Cần nâng cao ngân sách cho sinh viên nghiên cứu thực tế.
- Hỗ trợ tài chính tạo điều kiện tốt hơn cho đời sống của giảng viên.
- Tạo điều kiện để giảng viên trẻ thu nhập thấp có những hoạt động nâng cao thu thập.

4/ Về hoạt động hỗ trợ giảng viên:

- Tăng cường hoạt động giao lưu hợp tác với nước ngoài dành cho giảng viên.
- Hỗ trợ giảng viên tham gia các khóa học nâng cao ngắn hạn về tin học, ngoại ngữ.
- Hỗ trợ giảng viên nghiên cứu khoa học, viết giáo trình.
- Hỗ trợ giảng viên nâng cao trình độ ngoại ngữ.
- Hỗ trợ thêm các thiết bị giảng dạy.
- Tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên.

- Tăng tiền giảng dạy cho các giảng viên.
- Chương trình và kế hoạch thực tế trong nước và ngoài nước.
- Hỗ trợ cho giảng viên đăng bài khoa học quốc tế.
- Giảm bớt các văn bản hành chính.
- Tăng cường hoạt động hỗ trợ qua mạng nội bộ, email nhà trường.
- Trang bị thêm máy tính cho các giảng viên dùng các khoa.
- Tổ chức thêm các lớp tiếng Anh ngắn hạn để bồi dưỡng ngoại ngữ cho giảng viên

- Tăng cường các chương trình phúc lợi
- Chuyên nghiệp hóa và nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác hỗ trợ giảng dạy.

5/ Về hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động khác:

- Tăng cường hỗ trợ kinh phí sinh cho viên hoạt động thực tế.
- Hỗ trợ các dự án của sinh viên đề xuất.
- Tạo điều kiện để sinh viên đi nghiên cứu thực tế nhiều hơn.
- Tăng số lượng đề tài khoa học cho sinh viên, mở rộng đa dạng hóa các nguồn tài liệu phục vụ học tập.
- Nâng cấp cơ sở vật chất, đặc biệt là thư viện điện tử và trang bị điều hòa cho các lớp đông người trong thời tiết nóng.
- Liên kết mở với hệ thống thư viện các trường đại học trong nước và quốc tế.
- Thành lập Trung tâm hỗ trợ sinh viên.
- Hỗ trợ về hoạt động tư vấn tâm lý cho sinh viên.
- Nâng cao chất lượng cố vấn học tập để hỗ trợ tốt hơn
- Có phòng máy tính kết nối mạng để sinh viên đăng ký tín chỉ được thuận lợi.
- Giảm các đầu mối hỗ trợ sinh viên
- Tăng thêm các khóa bồi dưỡng ngoại khóa về kỹ năng sống để sinh viên hoàn thiện và phát triển bản thân.

- Hỗ trợ phương tiện đi lại (trong trường hợp giảng dạy tại các lớp xa trường).
- Thành lập câu lạc bộ để sinh viên có điều kiện học tập theo chuyên ngành và sở thích lựa chọn.
- Nâng cao chất lượng mạng Wifi tại các phòng học và cấp ID thư viện online cho giảng viên và sinh viên.
- Đầu tư các công cụ phương tiện đối với các lớp nghiệp vụ.
- Tăng cường chương trình phúc lợi cho sinh viên.

6/ Về cơ sở vật chất:

- Tăng cường các phòng học chuyên dụng đa năng về nghề, vừa dạy lý thuyết vừa thực hành.
- Tăng thêm các phòng studio cho đào tạo chuyên ngành báo chí.
- Có cơ chế khai thác sử dụng vận hành phương tiện hiệu quả.
- Tăng cường cho các lớp học: điều hòa thiết bị giảng dạy.
- Tăng cường đầu tư hiện đại hóa phòng học.
- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị giảng dạy.
- Trang bị cho khoa tuyên truyền phòng thực hành.
- Hoàn thiện phòng đọc, phòng tra cứu hệ thống tư liệu.
- Phòng học multimedia cho sinh viên truyền thông.
- Có phòng thực hành cho các môn lý luận chính trị, công tác tư tưởng.
- Tăng cường đổi mới thiết bị hỗ trợ người học.
- Hỗ trợ máy tính cho giảng viên làm việc và giảng dạy.
- Cần có lộ trình cải tạo và nâng cao chất lượng về cơ sở vật chất
- Nâng cao chất lượng phòng làm việc cho giảng viên.

5.3. Thảo luận với người học hệ chính quy và vừa làm vừa học

- ***Yêu cầu của Đoàn ĐGN: 25 người đến 30 người***
- ***Có mặt phỏng vấn theo danh sách: 30/30 người***
- ***Số người tham gia trả lời phiếu khảo sát: 28 người***

Điểm mạnh

1/ Về Đào tạo:

- Chất lượng đào tạo ngày một nâng cao, đáp ứng nhu cầu xã hội.

2/ Về Nghiên cứu khoa học:

- Hoạt động NCKH đáp ứng tốt nhu cầu của người học.

3/ Về Tài chính:

- Mức thu chi hợp lý với người học. Đây là điều rất đáng ghi nhận.

4/ Về hoạt động hỗ trợ giảng viên:

- Đáp ứng tốt nhu cầu của giảng viên.

5/ Về cơ sở vật chất:

- Cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập.

Kiến nghị

1/ Về Đào tạo:

- Cần có sự theo dõi chặt chẽ quá trình học tập của sinh viên để có sự đánh giá công bằng hơn.
- Chương trình đào tạo có thể rút ngắn thời gian học tập, giảm bớt chương trình học.
- Giảm bớt môn học đại cương quá nặng về lý luận, kiến thức đã lạc hậu và không thiết thực, không áp dụng được vào thực tế.
- Những kiến thức chuyên ngành cần chuyên sâu, đặc biệt với ngành quan hệ quốc tế, truyền thông.
- Xây dựng hệ thống học phần dành riêng cho các kiến thức, kỹ năng mềm, thực tế... với công việc và ngành đang theo học.
- Đổi mới hơn nữa phương pháp giảng dạy.
- Cập nhật thường xuyên các văn bản, chính sách trong các giáo trình.
- Nhà trường cần mở thêm nhiều lớp nghiệp vụ.

- Nắm bắt nhanh hơn các xu hướng phát triển khoa học công nghệ trên thế giới.
- Cần dạy thêm về thiết kế đồ họa, kỹ thuật hay các môn học như mỹ học để sinh viên có phương pháp, cảm nhận, rèn luyện tính thẩm mỹ, tạo ra các sản phẩm truyền thông chất lượng về nội dung và đẹp về hình thức.
- Xây dựng và công khai chương trình đào tạo cụ thể cho sinh viên trong cả khóa học.
- Cải thiện việc sắp xếp môn học tín chỉ cũng như về việc sắp xếp đăng kí tín chỉ để sinh viên dễ dàng hơn trong việc đăng kí. Tổ chức học tín chỉ linh hoạt hơn, không nên học tín chỉ mà học như niên chế.
- Cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá học phần.
- Cải tiến phương pháp giảng dạy theo hướng trao đổi, thảo luận, thực hành kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc đồng đội.
- Phân khoa theo ngày đăng kí tín chỉ để tránh quá nhiều người vào cùng lúc.
- Cần nâng cấp cổng thông tin.
- Giải đáp các thắc mắc cho sinh viên nhanh và kịp thời hơn.
- Tăng thêm thiết thực hành cho các môn lý luận.

2/ Về Nghiên cứu khoa học:

- Tạo nhiều cơ hội cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.
- Hướng dẫn nghiên cứu khoa học cần cụ thể, chi tiết hơn.
- Giúp sinh viên chọn đề tài mang tính thực tiễn, cấp bách, gắn liền với đời sống xã hội.
- Hỗ trợ kinh phí cho sinh viên nghiên cứu khoa học.
- Có thêm nhiều buổi trao đổi học tập với những nhà chuyên môn, nhà nghiên cứu giỏi.

3/ Về Tài chính:

- Có phần mềm theo dõi thường xuyên tình hình đóng học phí.

- Nâng cao mức học bổng, có học bổng toàn phần (50%/năm)
- Thông báo cho sinh viên biết sớm về học phí, cập nhật nhiều lần trong các học kỳ để tránh trường hợp sinh viên đã đóng học phí nhưng Nhà trường chưa cập nhật đã báo nợ học phí, phải mang hóa đơn lên khoa để xác nhận lại.

4/ Về hoạt động hỗ trợ giảng viên:

- Tăng cường hơn nữa các hoạt động hỗ trợ giảng viên
- Nâng cao chất lượng thiết bị dạy học như: loa, micro để giảng viên dễ dàng truyền thụ kiến thức.
- Giảng viên cần nhiều chia sẻ thực tế việc hoạt động chuyên ngành với người học

5/ Về hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động khác:

- Tạo nhiều môi trường để sinh viên của Trường giao lưu với nhau để có điều kiện học hỏi nhau.
- Hỗ trợ sinh viên tìm việc làm sau khi ra trường.
- Nhiều thủ tục đăng kí còn rườm rà, mất thời gian.
- Thực hành nhiều hơn.
- Tăng cường thêm các đầu sách cho thư viện, nhất là sách về ngoại ngữ.
- Tổ chức nhiều hoạt động thực tập, thực tế cho các lớp lý luận
- Tăng hoạt động giao lưu với các đơn vị cơ quan nhà nước.
- Có thêm nhiều thông tin tư vấn về các vấn đề trong lựa chọn nghề nghiệp.
- Tổ chức nhiều hơn các hoạt động ngoại khóa, các buổi định hướng nghề nghiệp khi ra trường.
- Cung cấp danh mục tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo phục vụ môn học
- Có thêm nhiều cuộc gặp gỡ với các chuyên gia trong lĩnh vực, ngành học của mình.

6/ Về cơ sở vật chất:

- Hệ thống wifi cần được cải thiện và nâng cấp.

- Xây dựng nhà xe rộng rãi, có mái che cho sinh viên.
- Lắp hệ thống điều hòa không khí.
- Bàn ghế đã quá cũ tại các khu B8, A1.
- Phủ sóng mạng wifi mọi địa điểm trong trường để sinh viên có thể truy cập được.

- Quan tâm đến cơ sở vật chất, trang thiết bị cho giảng viên và học viên.
- Nhà B15 có quạt lung lay rất nguy hiểm.
- Xây thêm nhà vệ sinh ở nhà B6 và B7.
- Ký túc xá được mở rộng, có nhiều phòng hơn và được nâng cấp hơn.
- Cần thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng trang thiết bị giảng dạy.
- Bổ sung thêm trang thiết bị phục vụ học tập môn ngoại ngữ.

5.4. Thảo luận với Nhà tuyển dụng

- ***Yêu cầu của Đoàn ĐGN: 25 người đến 30 người***
- ***Có mặt phỏng vấn theo danh sách: 22/22 người***
- ***Số người tham gia trả lời phiếu khảo sát: 20 người***

Điểm mạnh

1/ Về Đào tạo:

- Về cơ bản đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng.
- CTĐT đã cân đối giữa lý thuyết và thực hành theo hướng tăng thực hành.
- Nội dung chương trình gắn với thực tiễn đời sống, nhất là trong kỷ nguyên kỹ thuật số và cuộc cách mạng 4.0

2/ Về Nghiên cứu khoa học:

- Sinh viên của Học viện có khả năng nghiên cứu tốt.

3/ Về hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động khác:

- Đã tiến bộ trong việc đào tạo thông qua các hoạt động ngoại khóa.
- Đ có tổ chức các buổi hội chợ việc làm.

- Học viện đã có đội ngũ hỗ trợ sinh viên và định hướng cho sinh viên trước khi ra trường nên chọn đơn vị nào để thi tuyển.

4/ Về cơ sở vật chất:

- Cơ sở vật chất tốt, đáp ứng nhu cầu hội nhập thế giới.

Kiến nghị

1/ Về Đào tạo:

- Tăng cường hơn nữa sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn.
- Đào tạo cần gắn chặt với đầu ra, tăng cường kết hợp thường xuyên với doanh nghiệp và nhà tuyển dụng.

- Tăng cường kỹ năng mềm, thực hành nhiều hơn nữa.
- Nâng cao năng lực Ngoại ngữ cho các sinh viên, gắn kiến thức chính trị xã hội của đất nước vào chương trình giảng dạy

- Cần tăng thời lượng đào tạo nghiệp vụ cho người học để khi ra trường có thể làm được việc ngay.

- Cập nhật chương trình đào tạo gắn với nhu cầu nhân lực của xã hội.
- Mời các chuyên gia giỏi đến trao đổi, nói chuyện với sinh viên.
- Nên tăng cường đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên có định hướng theo nghề giáo dục.

- Tăng cường thêm thời gian thực tập, đi thực tế cho sinh viên.
- Phương pháp đào tạo cần thường xuyên đổi mới, kết hợp truyền thống với hiện đại.

- Nên thành lập 1 chuyên ngành đào tạo về xuất bản điện tử.
- Nâng cao chất lượng đầu ra, tạo niềm tin cho người học để giúp sinh viên phấn đấu tiếp cận với tri thức mới, tự tin để hòa nhập với cuộc sống hiện đại, trong đó cốt lõi là kỹ năng xử lý, kỹ năng giao tiếp.

- Dạy thêm về phương pháp nghiên cứu, tăng độ hàn lâm.
- CTĐT cần ưu tiên hơn, dành nhiều thời gian hơn cho thực hành, nhất là đào tạo phóng viên báo chí.

- Tăng cường rèn luyện kỹ năng hoạt động độc lập và làm việc nhóm.

- Đào tạo về công nghệ cho sinh viên.
- Tăng cường nghiên cứu kinh điển Mác – Lenin và cập nhật những kết quả khoa học mới của thế giới vào môn lý luận chính trị.

2/ Về Nghiên cứu khoa học:

- Cần trang bị thêm kỹ năng nghiên cứu khoa học.
 - Cần có nhiều đề tài về nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn và có khả năng ứng dụng cao.
 - Cần trao đổi, nghiên cứu khoa học và học thuật với nhà khoa học.
 - Đẩy mạnh nghiên cứu theo đơn đặt hàng, liên kết.
 - Mở các lớp bồi dưỡng, đào tạo riêng cho doanh nghiệp.
 - Đa dạng hóa, xã hội hóa để huy động tài chính cho nghiên cứu khoa học.
 - Tham gia nghiên cứu các đề tài cấp Nhà nước, cấp bộ, ban, ngành từ trung ương đến cơ sở.
 - Tăng nguồn kinh phí đầu tư nghiên cứu khoa học cho sinh viên và có chế độ chính sách tốt cho sinh viên nghiên cứu khoa học.
 - Gợi ý thêm nhiều đề tài để sinh viên nghiên cứu khoa học.
 - Tăng cường các nghiên cứu về xã hội.
 - Tổ chức nghiên cứu các đề tài mang tính liên ngành.
 - Cần tập trung nghiên cứu báo chí hiện đại, nhất là lĩnh vực truyền thông của thế giới.
 - Nên công bố hoặc ứng dụng các nghiên cứu liên quan đến báo chí hiện đại vào thực tiễn hoặc cho các đơn vị báo chí ứng dụng.
 - Kết nối với các trung tâm nghiên cứu khoa học của quốc gia, lựa chọn các đề tài nghiên cứu khoa học phù hợp để tăng cường năng lực nghiên cứu của sinh viên.
- ## 3/ Về Tài chính:
- Hỗ trợ tài chính cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hoạt động kỹ năng mềm khác.
 - Nâng cao đời sống cho đội ngũ giảng viên và cán bộ.
 - Có cơ chế giảm học phí cho những đối tượng khó khăn.

- Cần có các dự án, đề án thu hút sự hỗ trợ của các tổ chức bên ngoài nhằm tạo tương tác cho sinh viên.

- Kêu gọi xã hội hóa tài chính để đầu tư nghiên cứu khoa học cho sinh viên.
- Ngoài nguồn ngân sách nhà nước, nên kết hợp với nguồn thu từ học phí và hợp tác đầu tư với các nhà tuyển dụng.

4/ Về hoạt động hỗ trợ giảng viên:

- Gắn nghiên cứu với giảng dạy.
- Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu khoa học cho giảng viên.
- Tăng cường hỗ trợ đào tạo giáo dục thực tiễn.
- Giáo viên có thể trực tiếp tham gia vào các dự án bên ngoài, thâm nhập, tìm hiểu các cơ quan tuyển dụng, các doanh nghiệp để am hiểu hơn và phục vụ cho công tác đào tạo.

- Cần đẩy mạnh hỗ trợ cho giảng viên về kỹ năng, kiến thức và thiết bị để theo kịp sự phát triển của cuộc cách mạng 4.0.

- Tăng cường trao đổi với giảng viên giữa cơ sở đào tạo với nhà tuyển dụng trong việc đưa sinh viên đi thực tiễn.

- Tạo điều kiện cho giảng viên được đào tạo, tập huấn, bổ sung, cập nhật kiến thức ở môi trường trong nước và nước ngoài.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên ngành cho giảng viên.

- Dành thời gian, kinh phí để giáo viên (các khoa báo chí, phát thanh - truyền hình) đi thực tế.

5/ Về hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động khác:

- Hỗ trợ thêm về ngoại ngữ.
- Nên có nhiều học bổng khuyến khích sinh viên học xuất sắc, sinh viên nghèo, vùng sâu cùng xa, gặp khó khăn.

- Cần có thêm nhiều hơn các buổi hội chợ việc làm.

- Hỗ trợ để sinh viên có thể học tập và nâng cao trình độ ngoại ngữ để đáp ứng nhu cầu mới của xã hội.

- Hỗ trợ sinh viên kết nối với doanh nghiệp.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giao lưu với các học viện và cơ sở đào tạo khác.
- Đưa kỹ năng mềm trở thành một khóa học bắt buộc dành cho sinh viên trong chương trình đào tạo.
- Tạo điều kiện cho người học được tiếp cận với thư viện và các hoạt động sinh hoạt học thuật một cách thường xuyên.
- Định hướng cho sinh viên tự nghiên cứu các hoạt động thực tiễn.

6/ Về cơ sở vật chất:

- Tăng cường đầu tư thiết bị dạy và học theo hướng hiện đại, có tính thực tiễn và ứng dụng cao.
- Đầu tư thêm các phòng tự học.
- Kêu gọi các cơ quan doanh nghiệp hỗ trợ, đầu tư CSVC cho đào tạo.
- Đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo xuất bản điện tử.
- Cần xây dựng thêm các phòng học chuyên ngành.
- Đầu tư trang thiết bị mới, hiện đại cho đào tạo báo chí, nhất là ngành phát thanh – truyền hình.
- Cố gắng tiếp tục cải tiến CSVC cho giảng dạy, học tập và kí túc xá cho sinh viên.

5.5. Thảo luận với cựu người học đại học chính quy và vừa làm vừa học

- ***Yêu cầu của Đoàn ĐGN: 20 người đến 25 người***
- ***Có mặt phỏng vấn theo danh sách: 27/28 người***
- ***Số người tham gia trả lời phiếu khảo sát: 26 người***

Điểm mạnh

1/ Về Tài chính:

- Học viện đã tạo điều kiện rất nhiều cho sinh viên, tạo điều kiện cho sinh viên có điều kiện khó khăn nhưng vẫn tham gia học.
- Công bố rõ ràng, minh bạch về tài chính và sử dụng tài chính.
- Định kỳ thông báo các khoản thu để giúp sinh viên chuẩn bị tốt nhất.

- Mức học phí phù hợp.

2/ Về hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động khác:

- Các hoạt động hỗ trợ người học phong phú, đa dạng.

3/ Về cơ sở vật chất:

- Là một trong những trường có CSVC tốt, đảm bảo giờ học cho sinh viên.
- CSVC rất tốt, không có góp ý gì thêm.
- CSVC đảm bảo tốt quá trình giảng dạy và học tập, nghiên cứu.
- Phù hợp với mô hình đào tạo của nhà trường.

Kiến nghị

1/ Về Đào tạo:

- Tăng cường khối lượng và nội dung các môn học kỹ năng gồm: phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp giảng dạy. Lí do: kiến thức lý luận có thể làm mới, thay đổi tại từng trường, địa phương, những kỹ năng cần được rèn luyện sớm hơn, thường xuyên để quá trình tiếp cận các nội dung mới có hiệu quả.

- Đào tạo nhiều hơn kỹ năng mềm và thực hành nghề nghiệp cho sinh viên khả năng thuyết trình, giao tiếp.

- Các môn học kỹ năng cần được sinh viên tiếp cận sớm ngay từ năm thứ nhất.

- Phát triển nhiều kỹ năng mềm cho sinh viên: kỹ năng phỏng vấn, kỹ năng phát triển bản thân, kỹ năng tạo mối quan hệ, kỹ năng tự vệ...

- Hình thức giảng dạy cần phong phú, thu hút sự tham gia của sinh viên, sinh viên được khuyến khích bày tỏ quan điểm hơn.

- Giảng viên cần cải thiện kỹ năng giảng dạy thú vị hơn, thực tiễn và đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng xã hội.

- Chương trình đào tạo cần tập trung chuyên sâu hơn nữa vào khối lượng nội dung các môn chuyên ngành. Giảm bớt thời lượng các nội dung môn học không cần thiết. Tăng thời lượng thực hành, thực tập cho sinh viên. Rèn luyện khả năng tranh luận, phát hiện vấn đề cho sinh viên. Khuyến khích sinh viên

tranh luận với thầy cô nhằm sáng tỏ bài học và giúp sinh viên ghi nhớ, hiểu bài hơn.

- Tăng cường các buổi giao lưu, truyền đạt và thảo luận thực tế giữa cựu sinh viên – là những người đã tham gia vào công việc bên ngoài - với sinh viên đang ngồi trên ghế nhà trường.

- Cập nhật các giáo trình, đặc biệt là giáo trình quốc tế.
- Tăng thời lượng thực tế, thực nghiệm trong chương trình giảng dạy.
- Học viện, khoa nên có sự phối hợp với doanh nghiệp hoặc các cơ quan báo chí thực hiện phối hợp đào tạo và giải quyết vấn đề đầu ra cho sinh viên.

- Đẩy mạnh việc đào tạo ngoại ngữ.
- Cải tiến nội dung chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy.
- Tăng cường công tác đi thực tế tại các đơn vị và doanh nghiệp để học viên tiếp cận với công nghệ thực tế.

- Học viện nên nghiên cứu đưa môn học “Địa chính trị” vào giảng dạy trong ngành Chính trị học bởi chính trị có ảnh hưởng trực tiếp đến văn hóa, kinh tế, thể chế chính trị, chính sách đối nội đối ngoại, bố trí an ninh quốc phòng của mỗi quốc gia trên thế giới. Kiến thức này rất quan trọng với đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức và đặc biệt là đội ngũ làm công tác tuyên truyền trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường sự chủ động cho sinh viên, tích cực cho sinh viên được thực hành môn học.

2/ Về Nghiên cứu khoa học:

- Cổ vũ sinh viên, nghiên cứu sinh thực hiện các đề tài mang tính sáng tạo, độc đáo, có chủ đề thời sự.

- Đề nghị sinh viên được tham gia nghiên cứu khoa học không phụ thuộc vào điểm số.

- Khuyến khích sinh viên đăng kí các đề tài khoa học một cách chủ động, có các hình thức khuyến khích sinh viên tham gia NCKH như cộng điểm rèn luyện, học bổng...

- Khuyến khích sự tham gia NCKH của các cựu sinh viên có năng lực cùng phối hợp với các hoạt động NCKH của sinh viên trong Học viện nhằm đạt được hiệu quả NCKH cao nhất.
- Khai thác các đơn vị công tác của cựu sinh viên để tiến hành hợp tác thực hiện NCKH.
- Các đề tài khoa học cần hướng đến là các đề tài mang tính thực tiễn, có khả năng áp dụng cao.
- Cần mở rộng đối tượng, phạm vi để tạo cơ hội tham gia cho nhiều sinh viên nghiên cứu các đề tài khoa học sinh viên.
- Đề tài NCKH muốn có tác động ứng dụng cao thì phải gắn với vấn đề đang cấp thiết của xã hội gắn với ngành học.
- Nên có nhiều hình thức để khuyến khích sinh viên tham gia NCKH để sinh viên thấy được giá trị thực tiễn của việc NCKH chứ không đơn thuần là lý thuyết.

3/ Về Tài chính:

- Hỗ trợ tài chính các khoa học đi thực tế, các chuyến đi thực địa, nghiên cứu.
- Đề nghị tạo điều kiện về tài chính hơn cho sinh viên nghèo, sinh viên dân tộc thiểu số, sinh viên các khoa đào tạo về lý luận chính trị.
- Đầu tư phát triển nguồn lực giáo viên và CSVC nhiều hơn.
- Có biện pháp hỗ trợ về tài chính cho các câu lạc bộ sinh viên hoạt động nghiệp vụ, nhằm hỗ trợ tối đa sinh viên có cơ hội được rèn luyện nghề khi còn ngồi trên ghế nhà trường.
- Học viện nên tổ chức để cựu sinh viên thành đạt có kỹ năng, kinh nghiệm nên quay về trường tổ chức các khoá học miễn phí hoặc trợ giảng để giúp sinh viên có những thực tiễn trong quá trình học tập.
- Học viện kêu gọi sự hỗ trợ của cựu sinh viên cho các sinh viên nghèo vượt khó, đặc biệt là trong các hoạt động nghiên cứu khoa học và thực hành làm nghề.

4/ Về hoạt động hỗ trợ giảng viên:

- Tăng cường kiến thức thực tiễn của giảng viên.
- Thường xuyên quan tâm đến trau dồi, nâng cao, cập nhật kiến thức kỹ năng cho giảng viên.
- Khuyến khích những giảng viên có phương pháp mới, đạt hiệu quả tiếp thu cao cho sinh viên.
- Mở rộng đội ngũ giảng dạy, kết hợp giảng viên có hoạt động và kiến thức thực tiễn.
- Tăng cường hỗ trợ giảng viên có sự cộng tác với cơ quan báo chí, từ đó giảng viên cập nhật, nắm vững quá trình hoạt động báo chí đang diễn ra, khi trở lại giảng dạy, thầy cô cung cấp phương pháp, kiến thức có tính thực tiễn cao.
- Có các cơ chế đặc thù để hỗ trợ tối đa giảng viên trong quá trình đào tạo.
- Nên tổ chức nhiều khoá đào tạo kỹ năng sư phạm cho giáo viên ngoài kiến thức kỹ năng chuyên môn để giảng viên tạo cảm hứng học tập cho sinh viên, sinh viên không cảm thấy nhàm chán.
- Giảng viên khoa ngoại ngữ cần có cơ hội thực tế hoặc thực tập tại cơ quan báo chí để có thể nâng cao kiến thức chuyên ngành giảng dạy về báo chí nước ngoài.
- Giảng viên nên cởi mở nhiều hơn khi giảng dạy, tích cực truyền năng lượng, truyền cảm hứng thay vì chỉ hoàn toàn là lý thuyết.

5/Về hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động khác:

- Cần có những hoạt động hướng nghiệp cho sinh viên năm 3, năm 4 để họ có thể hiểu hơn công việc của mình có thể làm sau khi ra trường.
- Giảm tải các nội dung học lý thuyết, đại cương không cần thiết.
- Tăng cường các hoạt động thực hành.
- Quan tâm hơn nữa, sát sao hơn nữa tới các hoạt động của các câu lạc bộ nghiệp vụ của sinh viên; kết nối các cựu sinh viên có kiến thức kinh nghiệm, tâm huyết với các câu lạc bộ này; có biện pháp hỗ trợ sinh viên, khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động này.
- Cung cấp thông tin các chương trình ngoại khoá, học bổng,...

- Cung cấp thông tin, cơ hội việc làm, giao lưu doanh nghiệp.
- Chia sẻ, nâng cao kỹ năng của sinh viên trong việc hoà nhập môi trường doanh nghiệp, trả lời phỏng vấn, cách viết hồ sơ, kỹ năng tin học,...
- Giáo dục cho học viên tinh thần tự học cao.
- Các hoạt động phong trào trong Học viện cần ổn định hướng cụ thể hơn.
- Phối hợp với thầy cô giáo xây dựng đề tài nghiên cứu.
- Tăng cường kết nối sinh viên với các cơ quan báo chí.
- Học viên nên tổ chức cho cựu sinh viên tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên.
- Kéo dài thời gian mở cửa thư viện, hỗ trợ tự học.
- Tổ chức thêm chương trình giao lưu hoạt động tập thể cho sinh viên dựa trên chuyên ngành học, đặc biệt là là các ngành lý luận.

6/ Về cơ sở vật chất:

- Cần có mạng wifi đủ mạnh đáp ứng cho quá trình học tập trên lớp.
- Đề nghị tạo điều kiện cho sinh viên nghèo được ở kí túc xá của Học viện.
- Đề nghị nâng cấp kí túc xá của Học viện.
- Số lượng máy tính tại thư viện chưa đáp ứng nhu cầu sinh viên.
- Trang bị phòng học ngoại ngữ phải đảm bảo đầy đủ phương tiện, mặc dù khoa Ngoại ngữ thầy cô đã có nhiều phương pháp dạy.
- Tăng cường không gian học hiện đại.

5.6. Thảo luận với lãnh đạo các Khoa, Trung tâm, Viện, Tạp chí

- ***Yêu cầu của Đoàn ĐGN: 25 người đến 30 người***
- ***Có mặt phỏng vấn theo danh sách: 18/18 người***
- ***Số người tham gia trả lời phiếu khảo sát: 18 người***

Kiến nghị

1/ Về Đào tạo:

- Chủ động trong xây dựng nội dung đào tạo, phù hợp với thực tiễn cuộc sống.

- Có cách quản lý tạo hứng thú cho giảng viên giảng dạy.
- Tập trung xây dựng hiện đại hóa nội dung giáo trình, cập nhật tài liệu phục vụ nghiên cứu hiện đại.
- Đứng trên đặc thù của các ngành đào tạo để có thể giảm bớt một số môn đại cương không thực sự phục vụ cho chuyên ngành.
- Hiện đại hóa và cập nhật nhiều hơn nội dung giáo trình.
- Tăng cường hơn tín chỉ cho thực hành; tăng thêm một số tín chỉ cho những môn chuyên ngành.

2/ Về Nghiên cứu khoa học:

- Tăng thêm kinh phí cho giảng viên nghiên cứu khoa học
- Tăng các đề tài phục vụ quá trình đào tạo.
- Tạo điều kiện giao lưu với các trường quốc tế.
- Tăng số lượng công trình khoa học có ý nghĩa quốc gia, công bố quốc tế.
- Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học.
- Xây dựng nhóm nghiên cứu.

3/ Về Tài chính:

- Huy động thêm các nguồn lực phục vụ cho đào tạo và giảng dạy.
- Nâng cao đầu tư cho viết giáo trình.
- Đầu tư hơn cho các hoạt động giảng dạy.
- Tăng kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học.

4/ Về hoạt động hỗ trợ giảng viên:

- Được tham gia nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy.
- Mở thêm các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho giảng viên.
- Có thêm một số MIC không dây ở giảng đường.
- Cần đồng bộ hóa các điều kiện làm việc, giảng dạy, nghiên cứu và học tập.
- Các phòng ban phối hợp hỗ trợ nhiều hơn.
- Hỗ trợ tối đa về thời gian để giảng viên nghiên cứu, nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Tạo thêm cơ hội để giảng viên học tập nâng cao trình độ và trải nghiệm thực tế.

5/Về hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động khác:

- Có hệ thống công nghệ tin học tốt phục vụ cho giáo viên và sinh viên.
- Quan tâm tốt hơn với đối tượng người học về điều kiện học tập và nghiên cứu.
- Tăng cường thiết lập quan hệ với các cơ quan với các hình thức phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo của Học viện để sinh viên kiến tập, thực tập, tìm kiếm việc làm.
- Tăng thêm hoạt động kết nối các cơ sở tuyển dụng giúp sinh viên được thực hành nhiều hơn.
- Tăng cường tư vấn hướng nghiệp, tạo điều kiện kết nối với cơ sở sử dụng lao động.
- Hỗ trợ cho các hoạt động ngoại khóa của sinh viên.

6/ Về cơ sở vật chất:

- Tăng thêm điều hòa cho các phòng học.
- Tăng trang thiết bị giảng dạy cho giảng viên.
- Tăng thêm phòng học lý thuyết và thực hành nhiều hơn.
- Sớm có phần mềm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.
- Tăng cường thêm phần mềm chuyên dụng cho đào tạo Đại học và sau đại học có bản quyền.
- Tăng cường hệ thống Wifi.
- Thay thế dần thiết bị đã cũ, đầu tư máy móc trang thiết bị hiện đại.
- Tăng cường thêm máy chiếu mới, rèm che để nâng cao chất lượng hình ảnh.

5.7. Thảo luận với các CB đoàn thể

- ***Yêu cầu của Đoàn ĐGN: 4 người***
- ***Có mặt phỏng vấn theo danh sách: 4/5 người***
- ***Số người tham gia trả lời phiếu khảo sát: 4 người***

Kiến nghị

1/ Về Đào tạo:

- Mở thêm các lớp nghiệp vụ trong công tác đoàn thể.
- Tạo điều kiện trong chương trình học có thêm thời gia tham quan thực tế môn học.
- Trong môn học liên quan đến công tác đoàn thể nên tích cực mời các chuyên gia về tư vấn.
- Cần thường xuyên chỉnh sửa, bổ sung quy chế giảng dạy, quy chế rèn luyện của sinh viên.

2/ Về Nghiên cứu khoa học:

- Tổ chức các hoạt động hội thảo, tọa đàm khoa học thường xuyên hơn nữa.
- Có chính sách khuyến khích các giảng viên đăng tải các bài nghiên cứu khoa học quốc tế.
- Tăng uy tín nghiên cứu khoa học qua nghiên cứu Quốc tế.
- Chú trọng nguồn nhân lực chất lượng cao
- Bồi dưỡng cho cán bộ trẻ tham gia nghiên cứu khoa học.

3/ Về Tài chính:

- Thêm nguồn kinh phí để có thể tổ chức thêm nhiều hoạt động cho cán bộ, công chức, viên chức.
- Hỗ trợ thêm kinh phí cho hoạt động Đoàn thể
- Đơn gian hóa các thủ tục hành chính, nhất là trong việc thanh toán các đề tài khoa học, hội thảo khoa học.

4/ Về hoạt động hỗ trợ giảng viên:

- Tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các khóa học ở nước ngoài.

5/ Về hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động khác:

- Tổ chức thêm các câu lạc bộ theo các chuyên ngành để sinh viên vừa học vừa thực hành.
- Các văn bản cần được phổ biến sâu, rộng, cụ thể đến người học.

- Tăng cường hơn nữa các thiết bị dạy học hiện đại và trang bị thêm máy điều hòa tại các phòng học.

6/ Về cơ sở vật chất:

- Đầu tư thêm trang thiết bị.
- Đầu tư thêm không gian cho cán bộ, công chức và sinh viên thư giãn.
- Đồng bộ hóa và hiện đại hóa cơ sở vật chất.

5.8. Thảo luận với đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên

- ***Yêu cầu của Đoàn ĐGN: 15 người đến 20 người***
- ***Có mặt phỏng vấn theo danh sách: 27/28 người***
- ***Số người tham gia trả lời phiếu khảo sát: 27 người***

Kiến nghị

1/ Về Đào tạo:

- Đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng tăng thời lượng thực tế, thực hành, giảm thời lượng học lý thuyết. Hoàn chỉnh giáo trình. Tăng cường giáo dục thêm kỹ năng mềm. Cần bố trí lịch học thời gian học khoa học hơn. Mở rộng chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học ở nước ngoài. Công tác lưu trữ văn bản về đào tạo cần được quan tâm hơn. Tăng cường thời lượng các môn ngoại ngữ, giảm bớt một số môn học lý luận. Cần mở các lớp chuyên môn nghiệp vụ, các lớp về bồi dưỡng nâng cao kỹ năng tin học văn phòng. Thường xuyên nâng cấp hệ thống máy tính phục vụ cho các lớp tin học.

- Tăng cường liên kết giữa nhà trường và các đơn vị tuyển dụng như các cơ quan doanh nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội.

- Ban quản lý đào tạo cần làm rõ các quy chế về đào tạo và quy chế quản lý sinh viên. Hoàn thiện các quy định về quy chế đào tạo tín chỉ. Các quyết định và các quy định cần rõ ràng chi tiết hơn.

2/ Về Nghiên cứu khoa học:

- Tăng cường chất lượng các đề tài khoa học để các đề tài có khả năng ứng dụng vào thực tế.
- Tạo điều kiện cho tất cả các cán bộ giảng viên có cơ hội tham gia nghiên cứu khoa học theo lĩnh vực mình phụ trách, cần tạo điều kiện cho các cán bộ trẻ tham gia nghiên cứu khoa học.
- Các sản phẩm khoa học cần được hỗ trợ để trở thành một sản phẩm có thể thu được kinh tế cho Học viện.
- Tìm kiếm thêm các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để có thêm kinh phí cho nghiên cứu khoa học. Cần thêm nhiều đề tài cho các chuyên viên kỹ thuật viên tham gia. Tăng cường giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học. Tổ chức các buổi trao đổi với chuyên gia quốc tế.

3/ Về Tài chính:

- Tăng cường thu hút các nguồn lực cho phát triển cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo và đời sống cán bộ giảng viên. Cần có cơ chế tạo điều kiện tăng thêm thu nhập hàng tháng. Huy động nhiều nguồn lực xã hội cho Học viện. Tạo điều kiện cho cán bộ giảng viên về chế độ thanh toán kịp thời.

4/ Về hoạt động hỗ trợ giảng viên:

- Tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên được đi học nâng cao chuyên môn, tăng thu nhập. Tạo điều kiện hơn nữa để phục vụ công tác giảng dạy được tốt hơn.
- Mã hóa thông tin của cán bộ giảng viên trên các phần mềm để lấy thông tin dễ dàng.

5/Về hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động khác:

- Cải thiện hơn nữa cơ sở vật chất để tạo điều kiện học tập tốt cho sinh viên.
- Kịp thời giải quyết thắc mắc và chế độ học bổng cho người học.
- Hỗ trợ nhiều hơn nữa cho các hoạt động của Đoàn.
- Các hoạt động phong trào trong Học viện cần được định hướng cụ thể.
- Tạo điều kiện cho sinh viên thực hành nhiều hơn nữa.
- Cần giải đáp thắc mắc về quy chế học tập và rèn luyện.

- Thêm thời lượng và giờ thực hành cho sinh viên.
- Nâng cao chất lượng phòng học và cơ sở vật chất, trang thiết bị.
- Tăng mức hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động của Đoàn, hỗ trợ cho cán bộ đi học tập và nâng cao trình độ chuyên môn.

6/ Về cơ sở vật chất:

- Cải thiện chất lượng phòng học và thiết bị học tập cho sinh viên.
- Trang bị thêm những thiết bị cần thiết hiện đại phục vụ hoạt động giảng dạy học tập.
- Lắp đặt điều hòa tại các phòng học.
- Tăng cường cách âm cho các phòng học.
- Bổ sung thêm trang thiết bị dạy học.
- Mua phần mềm có bản quyền cho các khoa, các đơn vị có yêu cầu.

5.9. Thảo luận với cựu học viên cao học và nghiên cứu sinh

- ***Yêu cầu của Đoàn ĐGN: 20 người đến 30 người***
- ***Có mặt phỏng vấn theo danh sách: 16/18 người***
- ***Số người tham gia trả lời phiếu khảo sát: 16 người***

Điểm mạnh

1/ Về Đào tạo:

- Chương trình đào tạo đáp ứng tốt yêu cầu công việc.
- Học viên được cung cấp kiến thức cơ bản trong quá trình đào tạo.
- Nhìn chung các chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, kiến thức của học viện đầu ra có chất lượng.
- Chương trình phù hợp với đối tượng. Lý thuyết và thực hành có hiệu quả đối với học viên.
- Khung chương trình đào tạo phù hợp với từng chuyên ngành học cụ thể.

2/ Về Nghiên cứu khoa học:

- Các hoạt động nghiên cứu khoa học diễn ra thường xuyên, đạt kết quả tốt.

- Khung lý thuyết mà nhà trường cung cấp có hiệu quả tốt, làm nền tảng phát triển các đề tài NCKH trong quá trình học tập và làm việc.

- Tài liệu tương đối đầy đủ.

- Học viên được tham gia các hội thảo liên quan.

3/ Về Tài chính:

- Hoạt động tài chính tốt.

- Phù hợp với quá trình học tập và đào tạo.

- Tài chính minh bạch.

4/ Về hoạt động hỗ trợ giảng viên:

- Hoạt động hỗ trợ giảng viên tốt, đầy đủ.

- Có trách nhiệm và khoa học.

5/ Về hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động khác:

- Giảng viên hiện nay đã hỗ trợ sinh viên rất tốt và thường xuyên có mối liên hệ với học viên trên cả ba phương tiện: trên email và trên lớp.

- Giảng viên nhiệt tình, trách nhiệm, chuyên môn giỏi, luôn động viên, nhắc nhở nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình học tập.

- Khoa chủ quản với nhà trường đã quan tâm tạo điều kiện thời gian, phương tiện cho học viên đi thực tế trong khoá học.

- Nhà trường có những chính sách hỗ trợ người học trong học tập và hoạt động cụ thể, như trong công tác tìm kiếm tài liệu học tập.

6/ Về cơ sở vật chất:

- Cơ sở vật chất cơ bản tốt, đáp ứng yêu cầu người học.

- Đáp ứng tương đối quá trình học tập.

- Về cơ bản đáp ứng được và hỗ trợ người học khi học tập tại trường.

Kiến nghị

1/ Về Đào tạo:

- Cần đa dạng hơn các môn học, vấn đề phát triển chuyên ngành đào tạo gắn với thực tiễn.

- Vẫn còn nặng nề về đào tạo lý thuyết. Cần thêm thực hành, làm việc nhóm để tạo ra các sản phẩm cụ thể.
- Học viên cần được tăng cường hơn năng lực thực tiễn qua việc nghiên cứu thực tế với thời lượng nhiều hơn nữa.
- Tiếp tục tăng cường hợp tác với các nước tiên tiến trên thế giới. Đặc biệt chú ý đến công tác tuyên truyền và truyền thông quốc tế để phục vụ tốt cho hội nhập quốc tế trong thời gian tới.
- Đổi mới giảng dạy môn học phương pháp nghiên cứu khoa học cho học viên để học viên có thể tự nghiên cứu tốt hơn.
- Cần đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và áp dụng vào giảng dạy, cập nhật kiến thức trong và ngoài nước.
- Tăng cường chuyên đề thực tiễn để học viên có thể giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- Mở rộng nguồn tài liệu tham khảo chuyên ngành tại thư viện.
- Học viện thông báo thống nhất về việc bằng B1 Tiếng Anh học ở những trường nào, cơ sở nào được công nhận, tránh tình trạng một số học viên đã học rồi nhưng không được công nhận.
- Cần tăng cường thực hành, đặc biệt với các lĩnh vực: Báo chí, PR, Quảng cáo.
- Bổ sung thêm các chuyên đề: vận dụng các nguyên lý công tác tư tưởng để giải quyết các vấn đề tư tưởng nảy sinh trong thực tiễn hiện nay.
- Cần bổ sung, cập nhật nội dung mới vào từng chuyên ngành học cụ thể.

2/ Về Nghiên cứu khoa học:

- Tăng cường các đề tài phục vụ chuyên môn giải quyết các vấn đề đặt ra trong đời sống.
- Cần nghiên cứu khoa học sâu hơn nữa, gắn kết nghiên cứu và thực hành.
- Học viên cao học và nghiên cứu sinh cần được đi thực tế ở nước ngoài có nền giáo dục tiên tiến.
- Học viện cần tăng cường gợi mở các chuyên đề gắn với công tác chuyên môn của học viên để học viên có điều kiện tham gia chủ động.

- Mở rộng hoạt động nghiên cứu khoa học và định hướng phát triển hoạt động nghiên cứu trong sinh viên, học viên để các cán bộ trẻ giảng dạy tốt hơn.
- Đẩy mạnh hơn nữa việc hỗ trợ học viên trong việc viết các sản phẩm, công trình như các bài báo, bài luận đăng trên tạp chí chuyên khảo, chuyên ngành.
- Nên bố trí phòng sinh hoạt chuyên môn cho học viên cao học vì hiện tại nhà trường mới chỉ xây dựng phòng sinh hoạt chuyên môn cho nghiên cứu sinh.
- Cần đẩy mạnh giảng dạy môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, ví dụ đi sâu vào vấn đề trích dẫn, sử dụng tài liệu (trong và ngoài nước), đặc biệt là điều tra xã hội học.
- Tăng cường tổ chức các cuộc hội thảo khoa học thực tiễn về lĩnh vực công tác tuyên giáo.
- Cần khuyến khích giúp đỡ, tạo điều kiện cho học viên độc lập nghiên cứu khoa học.

3/ Về Tài chính:

- Mức thu học phí hiện nay còn thấp, cần tăng thêm để đầu tư phòng học đầy đủ trang thiết bị hiện đại hơn và đi thực tế (khoảng 30%).
- Hỗ trợ học viên đi học tập và nghiên cứu thực tiễn tại các cơ quan, đơn vị và địa phương.
- Kiến nghị nhà nước cần hỗ trợ kinh phí cho công tác học tập, nghiên cứu của học viên, sinh viên, nghiên cứu sinh của học viện.
- Cần có chính sách hỗ trợ người học trong học tập và nghiên cứu.

4/ Về hoạt động hỗ trợ giảng viên:

- Hệ thống trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy (máy chiếu, micro...) và cơ sở vật chất cần được tăng cường hơn.
- Đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên.
- Vẫn còn có giảng viên chưa bám sát hoặc chưa có điều kiện độc thúc cho quá trình nghiên cứu của học viên.

5/Về hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động khác:

- Cần cung cấp thông tin về các yêu cầu, tiêu chuẩn qua website, email.

- Đề nghị bổ sung thêm tài liệu của thư viện để học viên tự nghiên cứu.
- Tổ chức nhiều hơn các hoạt động hướng dẫn nghiên cứu sinh tham gia viết bài báo khoa học, công bố công trình nghiên cứu.
- Hỗ trợ học viên tài liệu chuyên sâu, tài liệu nước ngoài.
- Hỗ trợ thêm học viên thời gian do thời gian của học viên cao học và nghiên cứu sinh VHVL nên rất bận rộn.
- Cần tăng cường các hội thảo, các hoạt động thực tế để nâng cao hiệu quả học tập.
- Nên đẩy mạnh các chương trình tham quan các cơ quan nghiệp vụ.

6/ Về cơ sở vật chất:

- Xây dựng thêm các phòng học có đầy đủ các phương tiện hỗ trợ giảng dạy.
- Cần trang bị thêm thiết bị, các thiết bị máy móc hiện đại để học viên tiếp cận với công nghệ mới của thế giới.
- Cần có thêm một số dịch vụ trong Học viện (in ấn, trang phục, văn phòng phẩm...).
- Cần nâng cấp, đầu tư thêm và đầu tư sâu và hoàn thiện các phòng học hiện đại, tiêu chuẩn.
- Cần bổ sung thêm sách cho thư viện vì hiện nay sách trong thư viện còn nghèo nàn, cơ sở dữ liệu trực tuyến trên trang thư viện còn hạn chế.
- Nên có tài khoản online để theo dõi quá trình học tập và nghiên cứu của học viên.
- Cần thường xuyên nâng cấp khuôn viên, hội trường, phòng học... trong Học viện.

6. Các phát hiện đối với những điểm mạnh và tồn tại của CSGD theo bộ tiêu chuẩn đánh giá

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học

Điểm mạnh của Tiêu chuẩn 1

Sứ mạng của Học viện BC&TT đã được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của Học viện, phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội Thành phố Hà Nội, Học viện CTQG HCM và của cả nước. Học viện đã có kế hoạch và triển khai kế hoạch huy động nguồn lực nhất định cho việc thực hiện Sứ mạng.

Học viện đã xác định mục tiêu phát triển phù hợp với mục tiêu đào tạo theo Điều 2 của Luật Giáo dục và Điều 5 Luật Giáo dục đại học. Mục tiêu của Học viện được điều chỉnh cụ thể trong Chiến lược phát triển đến năm 2020 tầm nhìn 2030, được điều chỉnh trong Chiến lược phát triển đến năm 2035 tầm nhìn đến 2050. Từ mục tiêu tổng quát, Học viện luôn xác định mục tiêu cụ thể trong từng giai đoạn và đều có kế hoạch thực hiện mục tiêu chi tiết trong đó xác định rõ các mốc hoàn thành công việc, kết quả cần đạt được và đơn vị thực hiện.

Sứ mạng, mục tiêu và tầm nhìn của Học viện được phổ biến tới toàn thể CBQL, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan thông qua cổng thông tin điện tử của Học viện; trên pano áp phích đặt tại khuôn viên của Học viện; qua các kỷ yếu kỷ niệm ngày thành lập Học viện và các tài liệu khác.

Tồn tại của Tiêu chuẩn 1

Sứ mạng chưa làm nổi bật tính dẫn dắt của một trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới về đào tạo và NCKH đối với Báo chí-Tuyên truyền; chưa thể hiện rõ Học viện phát triển theo định hướng nghiên cứu hay định hướng nghiên cứu ứng dụng.

Học viện chưa tuyên truyền phổ biến rộng rãi Sứ mạng của Học viện tới đông đảo các nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp và các đối tác khác; phương thức phổ biến chưa đa dạng. Khi định kỳ rà soát và điều chỉnh Sứ mạng, Học viện chưa tham khảo rộng rãi các ý kiến của các tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan tại địa phương, đặc biệt là các cơ quan ngôn luận. Một số CBGV và người học của Học viện chưa thực sự quan tâm và hiểu biết đầy đủ về Sứ mạng của Học viện.

Sứ mạng, triết lý, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện chưa thể hiện rõ nét về việc đào tạo nguồn nhân lực thích ứng cho cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực Báo chí và Tuyên truyền, phù hợp với việc đổi mới, sáng tạo trong đào tạo và NCKH.

Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung mục tiêu cho từng giai đoạn/nhiệm kỳ, cho từng năm học chưa được triển khai một cách đồng bộ. Quá trình Học viện hoạch định mục tiêu chưa huy động được sự tham gia sâu rộng của các bên liên quan đóng góp để điều chỉnh mục tiêu của Học viện

Học viện chưa phân tích làm rõ nguyên nhân chưa đạt được một số mục tiêu đề ra trong Chiến lược giai đoạn 2013-2017; chưa tổ chức được hội nghị chuyên sâu với sự tham vấn của các chuyên gia để nghiên cứu, đánh giá thực hiện việc rà soát, chỉnh sửa mục tiêu; chưa tận dụng được sự đóng góp trí tuệ của giảng viên, CBQL, nhà sử dụng lao động, các doanh nghiệp và các đối tác khác với quy mô sâu rộng trong việc xây dựng mục tiêu phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội.

Học viện chưa xây dựng mục tiêu dài hạn. Một số mục tiêu cụ thể chưa thay đổi để bắt kịp với yêu cầu của thực tiễn. Phản biện xã hội đối với mục tiêu phát triển của Nhà trường chưa nhiều, chưa thường xuyên ; chưa xây dựng được mục tiêu cụ thể dài hạn đáp ứng nhu cầu của cuộc cách mạng 4.0 và định hướng đào tạo cho nguồn nhân lực các ngành nghề mới, đặc biệt là phẩm chất, năng lực, tính thích ứng với thị trường lao động mới với đặc trưng bản sắc riêng của ngành Báo chí và Tuyên truyền.

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý

Điểm mạnh của Tiêu chuẩn 2

Cơ cấu tổ chức của Học viện được thực hiện theo quy định Nghị định số 48/2014/NĐ-CP ngày 19/5/2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện CTQG HCM và Điều lệ Trường đại học và Quy định của Giám đốc Học viện CTQG HCM về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ

chức của Học viện BC&TT và Quy chế làm việc của Học viện BC&TT. Cơ cấu tổ chức hiện hành đã được công bố trên cổng thông tin điện tử của Học viện.

Hội đồng Học viện được thành lập với 19 thành viên. Các Hội đồng khoa được thành lập theo đúng quy định của Điều lệ trường đại học. Tổ chức Đảng và các tổ chức Đoàn thể được thành lập theo đúng quy định của pháp luật và quy định riêng của từng tổ chức đoàn thể.

Học viện đã có hệ thống các văn bản tổ chức và quản lý, điều hành các hoạt động của Học viện theo từng lĩnh vực hoạt động cụ thể: công tác Tổ chức - Cán bộ; hoạt động đào tạo; hợp tác quốc tế; sử dụng tài sản công, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; hoạt động thanh tra; thi đua, khen thưởng; tài chính; thực hiện dân chủ ... Tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh được thành lập theo đúng quy định của Pháp luật và đều có hệ thống văn bản tổ chức và quản lý theo quy định.

Trong giai đoạn đánh giá, Học viện đã được Thủ tướng Chính phủ, Học viện CTQG HCM tặng Cờ Thi đua Chính phủ, Cờ Thi đua cấp Bộ.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám đốc, các phòng/khoa/viện/trung tâm, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các đoàn thể chính trị - xã hội được xác định rõ trong Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Học viện BC&TT; Quy chế làm việc của Học viện BC&TT. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị chức năng và các khoa được quy định cụ thể tại Quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị thuộc Học viện BC&TT. Chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc và các Phó Giám đốc các Trường đơn vị và cán bộ, công chức và người lao động được quy định tại Quy chế làm việc của Học viện. Nhiệm vụ của giảng viên được quy định tại Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện.

Trong giai đoạn 2013-2017, Đảng bộ Nhà trường đã tổ chức 13 khóa đào tạo bồi dưỡng “Nhận thức về Đảng” và cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học cho 66 CBGV, 1.730 đoàn viên ưu tú là người học và kết nạp được 1.011 Đảng viên mới, trong đó có 953 Đảng viên mới là người học.

Trong chu kỳ KĐCLGD, Đảng bộ Học viện được tặng Bằng khen của

Đảng ủy khởi các cơ quan Trung ương, của Đảng ủy Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Công đoàn Học viện được tặng Bằng khen, Cờ Thi đua của Công đoàn Viên chức Việt Nam; Đoàn Thanh niên Học viện được tặng Bằng khen của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam ..

Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo của Học viện BC&TT được thành lập năm 2012, đã xây dựng được kế hoạch ĐBCL cho từng năm học. Đồng thời phối hợp với các phòng/ban, đơn vị trong Học viện triển khai hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các đối tượng liên quan và là đầu mối điều hành nhiệm vụ tự đánh giá để KĐCLGD.

Học viện đã ban hành Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược phát triển Học viện Báo chí Tuyên truyền đến năm 2035, tầm nhìn 2050. Nội dung Chiến lược phát triển Học viện phù hợp với Sứ mạng của Học viện.

Học viện đã xây dựng Đề án “Xây dựng, phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí và tuyên truyền”, trong đó xác định định hướng, các mục tiêu phát triển của Học viện giai đoạn 2014-2020 và quy hoạch phát triển Học viện trên các lĩnh vực: Bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ, giảng viên, đào tạo, khoa học-công nghệ, hợp tác quốc tế, phát triển các năng lực, đáp ứng nhu cầu xã hội, phát triển cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, công tác ĐBCL với các mục tiêu, nội dung, giải pháp thực hiện, nguồn lực và kế hoạch triển khai thực hiện.

Học viện thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất theo quy định và theo yêu cầu của Học viện CTQGHCM, của Bộ GD&ĐT và các cơ quan hữu quan. Học viện đã ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của Học viện, quy định cụ thể trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, quy trình ban hành, quản lý, sử dụng các văn bản, tài liệu.

Học viện có biện pháp an toàn, an ninh cho các tài liệu lưu trữ. Các văn bản quản lý được đưa lên cổng thông tin điện tử của Học viện, thuận tiện cho việc

truy cập, khai thác và thực hiện.

Tồn tại của Tiêu chuẩn 2

Hội đồng Học viện mới thành lập, chưa bầu Thư ký Hội đồng và chưa ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng.

Một số văn bản Học viện đã ban hành chưa được kịp thời rà soát, bổ sung cập nhật các quy định mới liên quan của các Bộ, Ban, Ngành và Chính phủ. Kết quả phỏng vấn cho thấy, một số CBGV chưa nắm rõ được chức trách, nhiệm vụ và yêu cầu cụ thể đối với giảng viên (định mức NCKH, yêu cầu về ngoại ngữ ...).

Tại thời điểm đánh giá, Học viện còn 45 giảng viên (23,3%) chưa được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Trong chu kỳ KĐCLGD, Học viện có 01 Chi bộ bị khiển trách, 4 Đảng viên bị kỷ luật do Chi bộ không xét chuyển Đảng chính thức cho các Đảng viên dự bị theo đúng kỳ hạn.

Số lượng cán bộ của Bộ phận ĐBCL đào tạo còn ít. Trung tâm Khảo thí và ĐBCL đào tạo chưa có cán bộ được đào tạo và cấp chứng chỉ hoàn thành các khóa đào tạo kiểm định viên. Học viện chưa xây dựng hệ thống ĐBCL bên trong Học viện. Học viện chưa xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn để thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển Học viện BC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050.

Trong Sổ công văn đi vẫn còn hiện tượng ghi thiếu thông tin về người nhận hoặc nơi nhận và một số công văn đi có đăng ký số nhưng không có nội dung trong sổ công văn. Kho lưu trữ công văn đặt ở tầng 1 tòa nhà thư viện, diện tích hẹp, khó khăn trong thao tác nghiệp vụ.

Tiêu chuẩn 3. Chương trình đào tạo

Điểm mạnh của Tiêu chuẩn 3

Trong chu kỳ KĐCLGD, Học viện mở mới 3 CTĐT tiến sỹ; xây dựng mới 3 CTĐT chất lượng cao trình độ đại học và 1 chương trình liên kết quốc tế với Middlesex University (Vương Quốc Anh).

Học viện đã tham khảo các CTĐT trong và ngoài nước của: Đại học Quốc gia Hà Nội, Học viện Ngoại giao, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, London School of Economics (Vương quốc Anh)... Học viện đã tham khảo ý kiến của các nhà tuyển dụng, của một số tổ chức xã hội - nghề nghiệp: các cơ quan báo chí, xuất bản, các trường chính trị tỉnh, thành phố, trường đại học, cao đẳng... Học viện tổ chức thảo luận ở bộ môn, khoa, Hội đồng khoa; Hội đồng Khoa học và Đào tạo đã cho ý kiến tư vấn cho Giám đốc Học viện trước khi ban hành. Học viện đã thành lập các hội đồng thẩm định đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Các CTĐT của Học viện đều có mục tiêu đào tạo rõ ràng, cụ thể về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, quy định rõ khối lượng kiến thức, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp. Các CTĐT có CĐR, có cấu trúc theo quy định. CĐR về ngoại ngữ cho các CTĐT chất lượng cao là B2, các chương trình đại trà là B1. Các học phần có đề cương chi tiết; cấu trúc của đề cương phù hợp với quy định, trong đề cương có thêm mục “câu hỏi ôn tập và đề tài tiểu luận”.

Khảo sát sinh viên tốt nghiệp năm 2016 có 69% hài lòng với CTĐT của Học viện. Khảo sát sinh viên cuối khóa 32 cho thấy 79% sinh viên hài lòng với CĐR, cuối Khóa 33 có 70% hài lòng với CTĐT và CĐR. Khảo sát nhà tuyển dụng lao động năm 2017, cho thấy CĐR của một số ngành/chuyên ngành đáp ứng trên 90% yêu cầu của công việc (Xây dựng Đảng, Chủ nghĩa xã hội Khoa học...).

Các CTĐT VLVH ban hành từ năm học 2015-2016 đến nay (Quản lý hoạt động tư tưởng-văn hóa, Chính sách phát triển, Xây dựng Đảng, Quản lý xã hội) được thiết kế theo học chế tín chỉ và không có sự khác biệt với hình thức đào tạo chính quy. CĐR về ngoại ngữ, tin học, hình thức kiểm tra, đánh giá, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp... như hình thức đào tạo chính quy.

Năm 2014, Học viện chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Theo đó các CTĐT được chuyển tương ứng trên cơ sở đánh giá nội bộ từ cấp khoa đến

cấp Học viện. Năm 2016, tất cả các CTĐT được rà soát, bổ sung và điều chỉnh. Việc bổ sung, điều chỉnh CTĐT được thực hiện dựa trên các căn cứ: (i) Tham khảo CTĐT của nước ngoài; mời 2 chuyên gia Nhật Bản và Hàn Quốc hỗ trợ xây dựng các CTĐT ngành Kinh tế, Quan hệ quốc tế. (ii) Học viện tổ chức hội thảo khoa học quốc gia về CTĐT, CDR.

Kết quả của việc điều chỉnh và bổ sung các CTĐT cho thấy, Học viện đã đưa ra khỏi CTĐT nhiều học phần và nhiều học phần mới được đưa vào. “Chuyên ngành Quản lý hoạt động tư tưởng - văn hóa” đưa 16 học phần ra khỏi CTĐT, đưa vào 8 học phần; Chuyên ngành “Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước”, đưa 8 học phần ra khỏi CTĐT và đưa vào 5 học phần. Học phần Tiếng Anh chuyên ngành, Tin học ứng dụng chuyên ngành được đưa vào ngành Quan hệ quốc tế, Xuất bản, Báo chí...). Một số học phần chuyên ngành giảng dạy bằng tiếng Anh được đưa vào CTĐT các ngành Quan hệ quốc tế, Quan hệ công chúng, Quảng cáo, Báo chí...

Học viện thiết kế các CTĐT theo hướng đảm bảo liên thông ngang và liên thông dọc. Khi thiết kế CTĐT, Học viện đã chia các ngành đào tạo thành 2 nhóm: nhóm lý luận chính trị và nhóm ngành nghiệp vụ. Khối kiến thức giáo dục đại cương và các kiến thức cơ sở ngành của nhóm ngành được thiết kế thống nhất. Việc thiết kế như vậy đã tăng khả năng liên thông giữa các ngành.

Học viện đã miễn học, miễn thi và chuyển điểm cho các đối tượng học trình độ đại học (hai hình thức chính quy và VLVH), học trình độ sau đại học, nếu có học phần tương đương đã học ở các CTĐT của Học viện, và ở các Trường Đại học trọng điểm quốc gia. Học viện đã công nhận kết quả thi ngoại ngữ của người học các chương trình quốc tế khác nhau (IELTS, TOEIC, TOEFL...).

Tồn tại của Tiêu chuẩn 3

Khi mở ngành, xây dựng các CTĐT, Học viện khảo sát nhà tuyển dụng lao động chủ yếu về nhu cầu nhân lực; các câu hỏi khảo sát chưa bao quát hết

mục tiêu và CDR của các CTĐT. Mẫu khảo sát chưa lớn nên các thông tin thu thập được chưa đủ sức thuyết phục cao.

Số học phần tự chọn trong CTĐT chưa nhiều làm hạn chế một phần khả năng đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Trên cổng thông tin điện tử có tên các ngành đào tạo mới và có đề cương chi tiết học phần, tuy nhiên không tra cứu được các CTĐT đại học và sau đại học và không tra cứu được CDR.

Nhiều ngành học không có tên bằng tiếng Anh. Nhiều học phần không có tên bằng tiếng Anh; một số học phần tên tiếng Việt và tên tiếng Anh không tương thích “Môi trường và phát triển - Environment and sustainable development”. Một số học phần đưa giáo trình, một số tài liệu tham khảo người học không tiếp cận được (Học phần “Gender and Development” có 6 giáo trình, 8 tài liệu tham khảo, trong đó có 01 tài liệu chỉ có tại Thư viện riêng của tác giả biên soạn đề cương).

Việc tổ chức thi giữa hình thức đào tạo chính quy và VLVH còn có sự khác biệt: Các lớp học phần VLVH ngoài Học viện do cơ sở liên kết chủ trì coi thi (Quyết định số 2989/QĐ-HVBC TT-KT); đối với mỗi học phần, Trường khoa/bộ môn biên soạn 3 đề thi; ngày 25 hằng tháng nộp đề thi cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, ngày 27 hằng tháng in đề thi cho tháng sau. Học viện không có ngân hàng đề thi/câu hỏi thi.

Mức độ điều chỉnh, bổ sung CTĐT các ngành thuộc khối lý luận chính trị chưa nhiều. Học viện hạn chế việc công nhận tín chỉ của những người học ở các Trường Đại học trọng điểm quốc gia. Học viện chưa ký kết văn bản công nhận tín chỉ với các trường đại học trong nước và nước ngoài.

Học viện chưa có kế hoạch, chưa thực hiện đánh giá CTĐT theo Quy định trong Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

Tiêu chuẩn 4. Hoạt động đào tạo

Điểm mạnh của Tiêu chuẩn 4

Học viện đã đa dạng hóa các hình thức đào tạo với tổng số 67 CTĐT gồm đào tạo theo hình thức chính quy, VLVH, đào tạo chất lượng cao trình độ đại học, đào tạo thạc sỹ và đào tạo tiến sỹ đáp ứng nhu cầu của người học. Học viện có 6 CTĐT bậc tiến sỹ, 19 CTĐT bậc thạc sỹ, 36 CTĐT trình độ chính quy (3 CTĐT chất lượng cao) và 1 CTĐT liên kết quốc tế (Quảng cáo, Quan hệ công chúng và Truyền thông); 5 CTĐT hệ VLVH.

Học viện liên kết đào tạo Tiếng Việt cho lưu học sinh các nước Trung Quốc, Lào, Hàn Quốc, Nhật Bản. Học viện tổ chức liên kết đào tạo đại học hình thức VLVH cơ sở, với hầu hết các trường chính trị của các tỉnh, thành phố, các trường đại học, học viện trên địa bàn cả nước; lưu lượng tổ chức quản lý đào tạo là 6000 sinh viên/75 lớp/ 30 tỉnh, thành phố.

Năm học 2014 - 2015, Học viện triển khai hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ đối với các CTĐT theo hình thức chính quy và CTĐT văn bằng 2. Các CTĐT VLVH đã được chuyển sang đào tạo theo tín chỉ.

Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên đã được Học viện đưa vào kế hoạch từ năm 2014 đến năm 2017. Việc khảo sát ý kiến phản hồi bằng phiếu khảo sát này được lập kế hoạch cho từng học kỳ trong năm học. Từ năm học 2015-2016, việc lấy ý kiến phản hồi của người học được thực hiện tích hợp trên phần mềm đào tạo, nên việc khảo sát và lưu trữ kết quả khảo sát được hệ thống hơn. Học viện thường xuyên chú trọng bồi dưỡng đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học bằng việc tổ chức và tạo điều kiện cho các giảng viên được tham gia các lớp bồi dưỡng về kỹ năng, phương pháp giảng dạy tích cực trong và ngoài Học viện. Kết quả phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên cho thấy, tại học kỳ 1 năm học 2016-2017, có 78% ý kiến đánh giá giảng viên có phương pháp giảng dạy tích cực, phát huy tính chủ động của sinh viên; tại học kỳ 2, tỷ lệ đánh giá tích cực là 80%.

Học viện có quy định về công tác ra đề thi, quản lý đề thi, công tác coi thi, chấm thi; công tác thi đối với VLVH và sau đại học. Đánh giá học phần được thực hiện theo quá trình, trọng số các điểm thành phần được quy định. Các hình

thức đánh giá đa dạng: thi vấn đáp, trắc nghiệm, thi viết, tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, luận văn, v.v. phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập và mục tiêu môn học. Học viện tổ chức thi trắc nghiệm trên giấy cho 11 học phần. Kết quả khảo sát hoạt động của giảng viên cho thấy cho thấy trên 80% sinh viên hài lòng với các hình thức thi, kiểm tra đánh giá và tính chính xác, khách quan, minh bạch của công tác kiểm tra đánh giá.

Học viện có quy định về cụng túc in, quản lý, cấp phỏt văn bằng, chứng chỉ. Học viện cấp phỏt văn bằng đỳng quy định; cú số theo dừi cấp phỏt văn bằng.

Học viện cú CSDL về tuyển sinh; CSDL về đào tạo. Dữ liệu đợc bảo quản lưu trữ theo quy định trờn hệ thống số sỏch và trờn hệ thống quản lý đào tạo. Kết quả học tập toànbộ khúa học đợc in và lưu trữ cụng với bảng điểm gốc và trờn phần mềm quản lý đào tạo.

Học viện thực hiện khảo sát việc làm và thu nhập của người học tốt nghiệp sau khi ra trường các năm 2015 và 2016 bằng phương thức online.

Từ năm học 2014-2015, Học viện đã ban hành “Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo”. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo và đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường đợc xây dựng thông qua việc khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp; khảo sát sinh viên cuối khóa và khảo sát người sử dụng lao động.

Việc khảo sát sinh viên tốt nghiệp và khảo sát sinh viên cuối khóa đợc thực hiện bằng phiếu từ năm học 2014-2015, đến năm 2017 đợc thực hiện trực tuyến. Khảo sát người sử dụng lao động đợc triển khai bằng phiếu để đánh giá năng lực của người học tốt nghiệp từ Học viện và những đánh giá về kiến thức, kỹ năng cần thiết cho công việc mà người đã tốt nghiệp chưa đáp ứng.

Dựa trên các kết quả khảo sát và những thông tin thu thập từ nhiều nguồn khác, Học viện đã từng bước tiến hành điều chỉnh, cải tiến các hoạt động đào tạo của Học viện.

Tồn tại của Tiêu chuẩn 4

Việc phát triển các ngành đào tạo có xu hướng tăng số chuyên ngành của một ngành (Ngành Báo chí có 7 chuyên ngành, Ngành Chính trị học có 7 chuyên ngành...). Việc có quá nhiều chuyên ngành trong một ngành dẫn đến sự khác biệt giữa các chuyên ngành không nhiều.

Học viện chậm chuyển đào tạo từ học chế niên chế sang học chế tín chỉ. Trong một số văn bản quản lý của Học viện, một số thuật ngữ dùng cho đào tạo theo tín chỉ chưa được chuẩn xác, ví dụ “môn học”. Nhiều học phần có số lượng tín chỉ nhiều (Phương pháp giảng dạy Triết học: 6 tín chỉ; Lịch sử triết học phương Tây, Tác phẩm kinh điển Mác- Ăngghen-Lê Nin: 5 tín chỉ).

Các thông tin công thông tin điện tử của Học viện chưa đầy đủ và không thuận lợi cho việc học theo hệ thống tín chỉ (ví dụ: CTĐT, CDR, đề cương chi tiết).

Theo Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát, tỷ lệ tham gia khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên từ phía người học chưa cao, học kỳ 2 năm học 2016-2017, “1/3 số lớp có tỷ lệ phản hồi thấp, chỉ từ 15-40% tổng số sinh viên”. Báo cáo tổng kết viết quá sơ sài. Tất cả các câu hỏi được liệt kê nhưng không có con số trả lời. Bảng phân tích thống kê không có tên giảng viên; thiếu những thông tin cơ bản như khảo sát bao nhiêu lớp, bao nhiêu giảng viên.... Học viện chưa khảo sát các lớp VLVH và các lớp sau đại học.

Học viện chưa có ngân hàng câu hỏi/đề thi. Theo báo cáo công tác thi năm 2017, “Nội dung của một số câu hỏi, bài tập chưa phân hóa được sinh viên, chưa có tính khoa học: logic, chính xác, chặt chẽ, rõ ràng”. Quyết định số 2989/QĐ-HVBC TT-KT ngày 01 tháng 9 năm 2017 về công tác khảo thí có một vài nội dung chưa phù hợp: Có sự khác biệt trong việc tổ chức chấm thi giữa các loại học phần; tổ chức coi thi do các đơn vị khác nhau chủ trì.

Danh sách người học được cấp văn bằng cùng các thông tin liên quan, số hiệu văn bằng được công bố trên công thông tin điện tử của Học viện dưới định dạng excel theo phương thức đăng tải các bản tin vì vậy bị lẫn với các tin

tức khác và bị trôi khi có những tin tức mới dẫn đến rất khó khăn trong việc tra cứu tìm kiếm.

Dữ liệu về khảo sát thu nhập, việc làm và các đóng góp ý kiến của người học tốt nghiệp chưa bao quát trên phổ rộng. Kết quả khảo sát người học tốt nghiệp năm 2016 cho thấy có 964/1448 ý kiến phản hồi (66,57%), báo cáo không phân tích kết quả khảo sát theo từng ngành nên không giúp cho việc khuyến nghị cải tiến chất lượng cho riêng từng ngành đào tạo.

Việc phân tích các kết quả khảo sát sinh viên trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo, khảo sát cựu sinh viên và khảo sát người sử dụng lao động về chất lượng sinh viên tốt nghiệp và chất lượng CTĐT chưa được kết nối với nhau một cách khoa học để có thể đưa ra các khuyến nghị cho việc điều chỉnh và cải tiến CTĐT theo từng ngành.

Việc khảo sát các đối tượng do Trung tâm KT&ĐBCLĐT thực hiện, riêng khảo sát người sử dụng lao động do các khoa thực hiện. Sự phối hợp giữa hai đơn vị chưa đều tay, nên kết quả khảo sát chưa được tổng hợp và phân tích theo từng ngành. Phiếu khảo sát chưa được chuẩn hóa để đảm bảo thu thập và bao quát được các thông tin cần thiết.

Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Điểm mạnh của Tiêu chuẩn 5

Trong giai đoạn 2013-2017, công tác tuyển dụng viên chức được thực hiện công khai, minh bạch về chỉ tiêu kế hoạch, tiêu chí tuyển dụng; Học viện đã tuyển dụng 27 viên chức, trong đó có 23 giảng viên (3 PGS, 8 TS, còn lại là Thạc sĩ) được tuyển dụng. Học viện đã cử 65 CBGV đi học cao học và nghiên cứu sinh trong nước; 12 CBGV học cao học và nghiên cứu sinh ở nước ngoài; 111 CBGV học lớp lý luận chính trị cao cấp. Công tác quy hoạch và bổ nhiệm CBQL của Học viện được công khai, dân chủ và đã bổ nhiệm 56 CBQL và bổ nhiệm lại 36 CBQL theo đúng quy trình, có phẩm chất và năng lực đáp ứng nhiệm vụ của Học viện.

Học viện đã ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện. Hằng năm, Học viện có tổng kết, báo cáo và kế hoạch triển khai thực hiện năm tiếp theo. Học viện có chính sách tạo điều kiện để CBQL và giảng viên tham gia hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; khen thưởng hằng năm cho CBGV có thành tích xuất sắc trong NCKH với mức thưởng 1 triệu đồng/người; thưởng cá nhân có bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế 3 triệu đồng/bài báo khoa học. Trong giai đoạn 2013-2017, Học viện đã chi 6,4 tỷ đồng để hỗ trợ CBQL và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

Đội ngũ CBQL cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác về năng lực, phẩm chất theo từng vị trí công việc đảm nhiệm. CBQL có trình độ cao cấp lý luận chính trị là 90%. 84/89 (97,6%); CBQL khoa, bộ môn, phòng chức năng có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên. 100% CBQL có trình độ ngoại ngữ đạt chuẩn và có trình độ tin học đạt yêu cầu; có phẩm chất đạo đức và được bổ nhiệm vị trí theo lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

Học viện có 252 giảng viên cơ hữu, trong đó có 2 GS, 33 PGS (13,9% trên tổng số giảng viên cơ hữu); 80 TS (31,7%); 126 ThS (50%); 11 cử nhân (4,4%). Các ngành đào tạo của Nhà trường đều có đủ thành phần giảng viên cơ hữu theo quy định mở ngành của Bộ GD&ĐT. Tại thời điểm đánh giá, tỉ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi của Học viện là 15,82 sinh viên/1 GV. Đội ngũ giảng viên cơ hữu được phân công giảng dạy phù hợp với chuyên môn được đào tạo và có cơ cấu chuyên môn hợp lý. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ sau đại học chiếm 95,6% (241/252), trong đó 45,6% (115/252) có học vị tiến sĩ và chức danh PGS, GS; 50% có học vị thạc sĩ (126/252). Tại thời điểm đánh giá, cơ cấu đội ngũ giảng viên cơ hữu của Học viện cân đối theo thâm niên. Giảng viên có thâm niên giảng dạy dưới 10 năm là 109/252 (43,2%); thâm niên 10-20 năm là 89/252 (35,3%); thâm niên trên 20 năm là 47/252 (18,6%). Đội ngũ giảng viên có xu hướng trẻ hóa, tuổi đời trung bình là 41 tuổi. Giảng viên dưới 30 tuổi chiếm 12,7%; từ 30 đến 40 tuổi chiếm 42,1%; từ 41 đến 50 chiếm 25,4%; trên 50 chiếm 19,8%.

Học viện có 133 kỹ thuật viên, nhân viên trong đó có trình độ đại học và sau đại học chiếm 83,5%. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên của Học viện có cơ cấu phù hợp, đủ số lượng và yêu cầu chuyên môn theo ngành đào tạo, được phân công đúng yêu cầu công việc đảm nhận tại các phòng chức năng, các bộ phận hỗ trợ, thư viện vv...

Trong 05 năm liền kề, Nhà trường đã chi xấp xỉ 6,5 tỉ đồng cho 409 lượt kỹ thuật viên, chuyên viên, nhân viên của Học viện tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn về nghiệp vụ. Số nhân viên, kỹ thuật viên được cử đi học đại học là 6 người; học cao học là 18 người. Mỗi người được đi đào tạo, bồi dưỡng trung bình ít nhất 01 lần/05 năm. 100% kỹ thuật viên, nhân viên đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

Tồn tại của Tiêu chuẩn 5:

Học viện chưa xây dựng chiến lược riêng về phát triển nguồn nhân lực đáp ứng tầm nhìn, mục tiêu phát triển và nhu cầu đa dạng hóa các ngành/chuyên ngành đào tạo của Học viện.

Học viện chưa triển khai khảo sát đánh giá sự hài lòng của CBGV, nhân viên, người lao động về các hoạt động của Học viện; chưa khảo sát mức độ hài lòng của CBVC, giảng viên và người lao động về thái độ và chất lượng làm việc của CBQL và đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên của Học viện.

CBGV, nhân viên tham gia đóng góp ý kiến cho các kế hoạch, chiến lược, quy chế, quy định của Học viện còn hạn chế, một số ý kiến đóng góp còn chung chung, mang tính hình thức. Học viện chưa định kỳ hằng năm khảo sát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của CBQL và giảng viên làm cơ sở để xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí đáp ứng nhu cầu đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của CBQL và giảng viên.

Học viện có nhiều giảng viên cùng một thời điểm được phân công hướng dẫn học viên cao học vượt nhiều so với quy định trong Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GD&ĐT (thống kê năm 2017 có 6 PGS hướng

dẫn từ 10-18 học viên; 6 PGS hướng dẫn từ 6-9 học viên; 11 TS hướng dẫn từ 4-9 học viên).

Tại thời điểm đánh giá, Học viện có 10% giảng viên cơ hữu chưa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo quy định; 13% chưa đạt trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo; 4,3% (11/252) giảng viên có trình độ cử nhân, trong đó 08 giảng viên đang học cao học.

Đội ngũ giảng viên được trẻ hóa nhưng chưa giàu kinh nghiệm giảng dạy đặc biệt là kinh nghiệm trong NCKH.

Tiêu chuẩn 6: Người học

Tiêu chuẩn 7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và CGCN

Điểm mạnh của Tiêu chuẩn 7

Học viện đã ban hành Chiến lược hoạt động khoa học giai đoạn 2016-2030 và các kế hoạch chi tiết hằng năm kèm theo kinh phí cho các đề tài NCKH của CBGV và của người học. Chiến lược hoạt động khoa học và các kế hoạch NCKH hằng năm của Học viện phù hợp với Sứ mạng và định hướng phát triển của Học viện. Trong giai đoạn 2013-2017, Học viện đã triển khai và nghiệm thu 753 đề tài NCKH các cấp với tổng kinh phí cho các đề tài xấp xỉ 16 tỷ đồng.

Học viện đã chủ trì, triển khai và nghiệm thu được 753 đề tài NCKH các cấp, trong đó có 2 đề tài cấp Nhà nước; 14 đề tài cấp Bộ; 138 đề tài cơ sở trọng điểm, 468 đề tài cơ sở và 131 đề tài NCKH của sinh viên. Số đề tài quy đổi đã nghiệm thu/số giảng viên cơ hữu là 1.54/GV/5 năm (390/252). 100% đề tài của Học viện được nghiệm thu theo kế hoạch, không có đề tài nào phải gia hạn. Công tác quản lý các đề tài NCKH được thực hiện theo đúng các bước đã quy định. Học viện đã công bố 842 bài báo khoa học trên các tạp chí trong nước và quốc tế, trong đó có 20 bài báo quốc tế (với 9 bài thuộc danh mục ISI/Scopus),

Tỷ lệ bình quân 3,34 bài báo/giảng viên cơ hữu. Học viện tổ chức thành công 07 hội thảo khoa học quốc tế và 06 hội thảo khoa học quốc gia.

100% đề tài NCKH của Học viện đã được Hội đồng nghiệm thu công nhận kết quả có đóng góp mới cho khoa học. Các kết quả nghiên cứu đều có kiến nghị tới các cơ quan quản lý nhà nước, góp phần bổ sung cho các quan điểm và chính sách của Đảng và Nhà nước giải quyết các vấn đề thực tiễn trong phát triển kinh tế - xã hội, hoặc đóng góp trực tiếp cho xây dựng Nghị quyết của Đảng.

Trong 05 năm liền kề, tổng thu từ hoạt động NCKH của Học viện là 15.995 triệu đồng, tổng chi cho đề tài NCKH của CBGV và đề tài của sinh viên là 14.970 triệu đồng. Học viện đã trích 20.199 triệu đồng từ các nguồn thu hợp pháp đầu tư cho tiềm lực KH-CN. Trong các năm từ 2015 đến 2017, tổng kinh phí chi phát triển tiềm lực KH-CN là 12.430 triệu đồng chiếm 5% tổng thu hợp pháp của Học viện.

Học viện có 35 đề tài NCKH đã có hỗ trợ đào tạo trình độ tiến sĩ; 128 đề tài cấp cơ sở và cơ sở trọng điểm gắn với đào tạo trình độ thạc sĩ. Từ việc triển khai các công trình NCKH các cấp trong 5 năm qua, Học viện có 20 giảng viên được công nhận chức danh Phó giáo sư, 51 CBGV được công nhận học vị tiến sĩ; 410 đề tài cấp cơ sở và cấp cơ sở trọng điểm được sử dụng kết quả nghiên cứu phục vụ cho việc xây dựng giáo trình, bài giảng của giảng viên cũng như làm tài liệu tham khảo phục vụ nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và chất lượng đào tạo. Hoạt động NCKH đã giúp CBGV của Học viện nâng cao năng lực thực tiễn, gắn với xã hội, tăng nguồn thu cho Học viện và góp phần bổ sung nguồn học liệu cho Học viện.

Học viện ban hành quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện và phổ biến, công khai các kết quả NCKH của các đề tài trên cổng thông tin điện tử của Học viện. Học viện đã phổ biến Luật sở hữu trí tuệ và các quy định về bản quyền kết quả đề tài, nhiệm vụ khoa học. Tính đến thời điểm đánh giá, Học viện không có hiện tượng vi phạm quyền tác giả và sở hữu trí tuệ.

Tồn tại của Tiêu chuẩn 7

Học viện chưa xây dựng kế hoạch trung hạn hoạt động NCKH của Học viện. Số đề tài NCKH hợp tác quốc tế của Học viện rất khiêm tốn.

Số bài báo khoa học của Học viện được công bố trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus chưa tương xứng với tiềm năng của Học viện. Số đề tài của Học viện có các đóng góp mới về lý luận và thực tiễn đối với việc phát triển các ngành cũng như địa phương chưa nhiều.

Trong các năm 2015, 2016, 2017, Học viện chi cho hoạt động NCKH của sinh viên là 395 triệu đồng (đạt 0,35% trên tổng thu học phí). Tỷ lệ chi như vậy chưa đạt mức quy định theo Nghị định 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Hoạt động NCKH phối hợp với các viện nghiên cứu, các trường đại học quốc tế còn rất khiêm tốn. Bên cạnh đó, việc phối hợp với các viện nghiên cứu, các trường đại học có các chuyên ngành mạnh như kinh tế, môi trường, xã hội - nhân văn và các ngành liên quan khác còn hạn chế và chưa có hệ thống.

Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý khoa học nói chung, các quy định về sở hữu trí tuệ và bản quyền kết quả đề tài, nhiệm vụ khoa học nói riêng của Học viện chưa được rộng rãi trong toàn Học viện

Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế

Điểm mạnh của Tiêu chuẩn 8

Học viện có đơn vị chức năng quản lý hoạt động HTQT là Phòng HTQT. Học viện đã ban hành Quy Chế quản lý hoạt động HTQT của Học viện tại Quyết định số 1216/QĐ-HVBC&TT, ngày 4/4/2017. Chiến lược HTQT của Học viện được xác định trong Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 2418/QĐ-HVBC&TT ngày 08/7/2014) và Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 770/QĐ-HVBC&TT ngày 20/02/2017). Theo đó, mục tiêu HTQT với các kỳ vọng về các chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên,

các chương trình liên kết đào tạo quốc tế và các lĩnh vực NCKH hợp tác với các đối tác nước ngoài đã được định hướng rõ.

Các đoàn ra đoàn vào của Học viện được thực hiện theo đúng quy định của Học viện và các quy định liên quan của Học viện CTQGHCM và của Nhà nước. Các đoàn ra đều có quyết định cử đi. Toàn bộ CBGV sau khi hoàn thành chuyển công tác đều có bản thu hoạch theo quy định.

Công tác quản lý lưu học sinh thực hiện theo Thông tư 03/2014/TT-GBDDT ngày 25/2/2014 về Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

Học viện có 1 chương trình liên kết quốc tế với chuyên ngành “Cử nhân quốc tế Quảng cáo, Quan hệ công chúng và Truyền thông” với Đại học Middlesex - Vương quốc Anh”. Các chương trình liên kết đào tạo quốc tế này có Đề án và được Bộ GD&ĐT cho phép tại Quyết định số 1558/QĐ-BGDĐT ngày 12/5/2016.

Học viện có 04 chương trình hợp tác bồi dưỡng với Viện Thông tin, Văn hóa và Du lịch (Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào); Đại học Tổng hợp (Vương quốc Áo); Đại học Middlesex (Vương quốc Anh) và Khoa Truyền thông và Báo chí (Đại học Korea, Hàn Quốc); 2 chương trình trao đổi giảng viên với Đại học Stockholm (Thụy Điển) và Đại học Middlesex (Vương quốc Anh).

Trong giai đoạn 2013-2017, thông qua các chương trình HTQT, Học viện đã cử 7 giảng viên đi học nghiên cứu sinh và cao học ở nước ngoài, có 80 lượt người đi học tập, bồi dưỡng ngắn hạn tại (Vương quốc Anh, Vương quốc Áo, Singapore, Hàn Quốc, Philippines v.v... Học viện đã tổ chức 54 đoàn ra với tổng số 218 lượt CBGV đi công tác, trao đổi học tập ở nước ngoài, trong đó có 5 giảng viên của Học viện sang Trường Đại học đối tác giảng dạy; 2 sinh viên của Học viện được sang Hàn Quốc tham gia khoá học hè. Đồng thời, các đối tác đã cử 83 đoàn vào với tổng số 259 lượt người đến làm việc tại Học viện, trong đó có 45 lượt giảng viên đến giảng dạy tại Học viện.

Trong chu kỳ KĐCLGD, Học viện đào tạo và làm Lễ tốt nghiệp cho 141 cử nhân và 37 thạc sỹ là lưu học sinh Lào. Tại thời điểm đánh giá, Học viện

đang đào tạo 94 lưu học sinh Lào, trong đó có 3 nghiên cứu sinh, 13 học viên cao học và 78 sinh viên đại học chính quy.

Học viện đã nhận số tiền tài trợ từ hoạt động HTQT tương đương 98.792 USD và một số trang thiết bị tương đương 12.352 USD.

Học viện đã ký 10 văn bản thỏa thuận và biên bản ghi nhớ hợp tác với các nước như Nga, Anh, Thái Lan, Hàn Quốc, Áo, Nhật bản v.v... trong đó đã có 9 văn bản thỏa thuận và biên bản đã được triển khai.

Học viện có 1 đề tài NCKH cùng với các đối tác nước ngoài “Năng lực truyền thông như năng lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội” hợp tác với Đại học Tổng hợp Viên - Cộng hòa Áo.

Học viện đã tổ chức 10 Hội thảo quốc tế với các đối tác nước ngoài gồm Áo, Liên minh châu Âu, Hàn Quốc v.v... về các chủ đề như “Báo chí trong quá trình toàn cầu hóa: Cơ hội, thách thức và triển vọng” phối hợp với Đại học Tổng hợp Viên - Áo, hoặc chủ đề “Truyền thông chính sách: Kinh nghiệm Việt Nam - Hàn Quốc” phối hợp với cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc. Học viện có 4 bài báo khoa học công bố chung với các đối tác nước ngoài, trong đó có 3 bài công bố chung với tác giả Hàn Quốc, và 1 bài công bố với tác giả Australia.

Tiêu chuẩn 9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Điểm mạnh của Tiêu chuẩn 9

Thư viện của Học viện có 21.307 đầu sách với 85.324 bản, trong đó có 14.995 đầu sách bằng tiếng Việt, 885 đầu sách tiếng nước ngoài, 5.427 tài liệu nội sinh, và trên 200 loại báo, tạp chí. Thư viện của Học viện được thiết kế có không gian mở, nhiều phòng đọc, hội thảo, có cửa từ để quản lý, theo dõi sách, tài liệu. Thư viện của Học viện được kết nối với thư viện của một số trường đại học khác như Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Viện Nghiên cứu Châu Âu, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Học viện có 90 phòng học với tổng diện tích là 7.543,72 m²; có 1 hội trường có 800 chỗ với sân khấu phục vụ cho luyện tập và biểu diễn văn nghệ và có 18 phòng thực hành.

Khu ký túc xá của Học viện gồm 203 phòng khép kín với diện tích 11.954,7m² có thể bố trí 980 chỗ ở; có trạm y tế gồm 1 bác sỹ và 4 nhân viên y tế với 2 phòng bệnh, có đầy đủ thuốc, dụng cụ y tế phục vụ sơ cấp cứu ban đầu.

Học viện có hệ thống trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH gồm 11 máy quay phim; 18 máy chụp ảnh kỹ thuật số, 5 bộ MIXER, 88 bộ âm ly, 107 máy chiếu. Học viện đã hợp đồng với công ty chuyên nghiệp để bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị dạy học.

Học viện có tổng số 651 máy tính, trong đó số máy tính dùng cho công tác quản lý là 329 máy, dùng cho giảng dạy và học tập là 322 máy; có 188 máy in, 107 máy chiếu.

Học viện có hệ thống cáp quang với dung lượng 150Mbps nội địa và 4Mbps quốc tế, có đường truyền giao ban trực tuyến giữa các đơn vị trong hệ thống Học viện CTQGHCM. Các máy tính của Học viện được nối mạng internet. Học viện đã phủ sóng wifi hầu hết các khu vực trong khuôn viên Học viện.

Học viện đã sử dụng một số phần mềm trong công tác quản lý như phần mềm Quản lý Đào tạo; phần mềm Kế toán; phần mềm Quản lý công văn, lưu trữ; phần mềm Quản lý tài liệu số, phần mềm chấm thi trắc nghiệm v.v... Tất cả các phần mềm đang sử dụng đều có bản quyền.

Tổng diện tích dành cho khu làm việc của Học viện là 19.630 m². Giám đốc và các Phó Giám đốc Học viện được bố trí phòng làm việc riêng có diện tích từ 51-73 m². Các đơn vị chức năng được bố trí từ 3-7 phòng làm việc, trong đó các Trưởng phòng, ban chức năng được bố trí phòng làm việc riêng có diện tích từ 20-15 m². Các khoa được bố trí từ 2-3 phòng với tổng diện tích từ 50-100m².

Học viện có tổng diện tích là 5,7310 ha, Học viện có quy hoạch tổng thể. Các công trình kiến trúc được xây dựng theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.

Học viện có khuôn viên thoáng, mát, nhiều cây xanh, có hệ thống giao thông nội bộ thông thoáng.

Học viện có tổ bảo vệ gồm 22 người được tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ bảo vệ, PCCC. Học viện đã xây dựng phương án PCCC được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thành lập các đội PCCC, xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và đã tổ chức diễn tập PCCC. Hằng năm, Học viện đã được Phòng cảnh sát PCCC của công an Tp. Hà Nội tiến hành kiểm tra về PCCC của Học viện. Học viện có văn bản phối hợp với công an địa phương trong việc đảm bảo an ninh trật tự trong Học viện. Trong thời gian qua, không có hiện tượng mất an ninh, trật tự, cháy nổ trong khuôn viên Học viện.

Tồn tại của Tiêu chuẩn 9

Học viện chưa tổ chức thẩm định giáo trình theo qui định tại Thông tư 04/2011/TT-BGDĐT ngày 28/1/2011 về Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình giáo dục đại học.

Kinh phí dành cho mua tài liệu, sách, báo, tạp chí của Thư viện chiếm tỉ lệ nhỏ so với tổng kinh phí của Học viện 5 năm có tổng số là 4,602 tỉ đồng, chiếm 0,5% tổng chi của Học viện. Việc quy định các học liệu (giáo trình) trong đề cương chi tiết của một số học phần chưa hợp lý (có học phần không có giáo trình chính, có học phần quy định tài liệu tham khảo nhưng Thư viện không có v.v...).

Học viện chưa có nhiều phòng để sinh viên tự học nên sinh viên phải tự học vào buổi tối.

Nội dung phiếu khảo sát chưa có đủ các câu hỏi có thể khai thác các thông tin hữu ích giúp đề xuất được các khuyến nghị nhằm cải tiến chất lượng phục vụ của hệ thống phòng học, phòng thực hành, trang thiết bị, thư viện v.v...

Học viện có 70 máy tính cũ đã hết khấu hao, nhưng chưa được thanh lý. Tốc độ đường truyền internet trong khuôn viên Học viện có lúc còn chậm. Số chỗ ở trong khu ký túc xá chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người học có

nguyện vọng nội trú. Học viện chưa tiến hành thẩm duyệt hệ thống PCCC tòa nhà A1. Một số bình chữa cháy cũ, một số không có tem kiểm định.

ồn tại:

Tiêu chuẩn 10. Tài chính và quản lý tài chính

Điểm mạnh của Tiêu chuẩn 10

Học viện được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp, tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động. Học viện đã chủ động tạo được các nguồn thu hợp pháp. Tất cả các nguồn thu được sử dụng theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước. Các nguồn thu chi được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ và các quyết định thu học phí. Học viện đã xây dựng Kế hoạch nguồn thu giai đoạn 2014-2017, và 2018-2020 trong văn bản Chiến lược. Nguồn thu của Học viện đã tăng theo từng năm. Tổng thu trong 5 năm là 945,749 tỷ đồng.

Công tác lập kế hoạch tài chính, quản lý thu chi và công khai tài chính của Học viện được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và hướng dẫn của Học viện CTQG HCM. Công tác xây dựng kế hoạch và dự toán thu, chi NSNN hằng năm được đảm bảo về thời gian, đúng về nội dung, biểu mẫu và có thuyết minh đầy đủ. Công tác lập kế hoạch được chuẩn hoá, công khai, minh bạch, bằng việc áp dụng các quy trình quản lý và sử dụng các phần mềm chuyên môn có hợp đồng bảo hành. Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra nhân dân đều nhận xét Nhà trường không vi phạm về thu, chi tài chính.

Công tác phân bổ tài chính được thực hiện theo đúng quy trình của Nhà nước theo nhóm mục của Mục lục ngân sách Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện. Việc phân bổ tài chính về cơ bản hợp lý, phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH, nâng cấp CSVN và nâng cao đời sống CBVC.

Tồn tại của Tiêu chuẩn 10

Văn bản Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 chưa có lộ trình phát triển các nguồn thu hợp pháp. Học viện chưa ban hành chiến lược phát triển tài chính riêng; chưa có kế hoạch chiến lược tài chính dài hạn và trung hạn để tạo các nguồn thu hợp pháp.

Nguồn thu từ NCKH- CGCN và dịch vụ chưa nhiều, chưa mang tính bền vững và chưa tương xứng với các nguồn lực của Học viện. Việc đóng góp nguồn tài chính của các đơn vị cấp 3 vào nguồn thu chung của Học viện còn khá hạn chế.

Học viện chưa lập tiêu chí đánh giá hiệu quả dự toán phân bổ tài chính. Học viện chưa định kỳ tổ chức Hội nghị riêng về tài chính hằng năm cho các đơn vị thuộc Học viện và sự kết nối thông tin công khai về tài chính giữa các đơn vị chưa cụ thể. Học viện chưa tổ chức công tác tự kiểm tra tài chính theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

Tỷ lệ chi cho CBGV trực tiếp làm NCKH, chi cho sinh viên NCKH và chi học bổng khuyến khích học tập của sinh viên khá thấp. Nhà trường chưa thực hiện khảo sát các đơn vị, cá nhân về hiệu quả phân bổ tài chính.

7. Các phát hiện khác trong quá trình khảo sát

Không có

8. Khuyến nghị của đoàn đối với CSGD trên cơ sở các phát hiện trong chuyên khảo sát

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học

Khuyến nghị của Tiêu chuẩn 1

Học viện cần rà soát, điều chỉnh và ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi của Học viện trong giai đoạn 2018-2035 và định hướng phát triển học thuật của Học viện. Khi rà soát và điều chỉnh Sứ mạng, Học viện cần khảo sát rộng rãi đồng đảo ý kiến của các bên liên quan và xác định rõ các nghiên cứu

đỉnh cao và tạo ra được các nhu cầu mới của xã hội trong các lĩnh vực của báo chí - tuyên truyền mang tính "hàng đầu", "trọng điểm" và dẫn dắt của Học viện.

Học viện cần xác định rõ một số chỉ tiêu phù hợp với Sứ mạng trong Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, đặc biệt là về phát triển KHHCN (ví dụ: số GS, PGS, số bài báo khoa học; doanh thu từ KHHCN, số lượng phát minh sáng chế ...).

Học viện cần tổng kết phân tích làm rõ nguyên nhân chưa đạt một số mục tiêu trong Chiến lược phát triển của Học viện đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; cần tổ chức hội nghị chuyên sâu với sự tham vấn của các chuyên gia để nghiên cứu, đánh giá việc thực hiện rà soát, chỉnh sửa mục tiêu.

Học viện cần khai thác sự đóng góp trí tuệ của CBQL, giảng viên và các đối tác khi xây dựng mục tiêu; cần lấy ý kiến của các cơ quan ngôn luận với quy mô sâu rộng để điều chỉnh mục tiêu của Học viện phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội.

Học viện cần xây dựng mục tiêu, các chỉ số phát triển của Học viện về đào tạo nguồn nhân lực và NCKH chất lượng cao phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và nguồn nhân lực các ngành nghề mới về Báo chí-Tuyên truyền, đặc biệt hướng tới phẩm chất, năng lực, tính thích ứng của người học với thị trường lao động và xã hội mới.

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý:

Khuyến nghị của Tiêu chuẩn 2

Học viện cần nhanh chóng kiện toàn tổ chức Hội đồng Học viện và ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng.

Học viện cần rà soát, bổ sung ban hành mới các văn bản chưa cập nhật các quy định của Nhà nước và quy định của Học viện CTQG HCM; đồng thời cần định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả của hệ thống văn bản quản lý điều hành.

Các khoa cần kịp thời phổ biến cho đội ngũ giảng viên các quy định về chức trách, nhiệm vụ và các yêu cầu về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học

để mỗi giảng viên chủ động xây dựng lộ trình học tập vươn lên đạt trình độ chuyên môn và các tiêu chuẩn đối với giảng viên.

Hàng năm, các Đảng viên và cấp ủy của các Chi bộ cần được tập huấn để nắm chắc các quy định của Đảng về việc diu dắt các Đảng viên dự bị và các quy định liên quan đến việc xét chuyển Đảng chính thức cho các Đảng viên dự bị.

Học viện cần hỗ trợ kinh phí và thời gian để cán bộ Bộ phận ĐBCL được tham gia các khóa đào tạo kiểm định viên. Học viện cần kịp thời xây dựng mạng lưới ĐBCL bên trong để triển khai hoạt động ĐBCL của Học viện đạt kết quả cao hơn.

Căn cứ các định hướng và các yêu cầu/chỉ tiêu được xác định trong Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2035, tầm nhìn 2050, Học viện cần kịp thời xây dựng kế hoạch dài hạn và trung hạn với các giải pháp đầu tư các nguồn lực để hiện thực hóa các định hướng và các chỉ tiêu đã được hoạch định trong Chiến lược phát triển.

Học viện cần có quy định về việc định kỳ kiểm tra sổ sách công văn, kịp thời chấn chỉnh việc đăng ký quản lý công văn đi và đến; cần nghiên cứu để bố trí kho lưu trữ công văn ở các tầng trên để hạn chế việc ầm mố và mở rộng thêm diện tích kho lưu trữ công văn.

Tiêu chuẩn 3. Chương trình đào tạo

Khuyến nghị của Tiêu chuẩn 3

Khi mở ngành đào tạo mới, xây dựng mới CTĐT, Học viện cần thiết kế bảng khảo sát với các câu hỏi phải bao trùm được các nội dung về mục tiêu đào tạo, CDR, kết cấu kiến thức... Việc khảo sát cần được thực hiện một cách chuyên nghiệp và bài bản; kết quả khảo sát cần được phân tích sâu theo các mục tiêu nhất định để đúc rút ra kết luận phục vụ cho việc mở ngành, mở CTĐT mới.

Học viện cần rà soát và có sự điều chỉnh để chuẩn hóa các CTĐT và các đề cương chi tiết. Học viện nên tăng thêm số học phần tự chọn để đảm bảo tính linh hoạt của CTĐT đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu của thị trường

lao động. Học viện cần kịp thời công khai hóa các CTĐT và CDR trên cổng thông tin điện tử của Học viện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Đối với cơ sở liên kết ngoài Học viện, Học viện cần cử người chủ trì công tác coi thi; không nên giao khoán cho cơ sở liên kết chủ trì việc coi thi. Học viện nên sử dụng ngân hàng đề thi/câu hỏi thi cho hệ đào tạo VL VH.

Học viện cần rà soát Quyết định số 2384/QĐ-HVBCTT-ĐT của Học viện và bổ sung các yêu cầu theo đúng các nội dung trong Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT để bao phủ được hết các nội dung cần thiết và đáp ứng yêu cầu cung cấp đầy đủ thông tin cho xây dựng mới và hoàn thiện các CTĐT.

Học viện cần đặc biệt đầu tư nghiên cứu để điều chỉnh, đổi mới CTĐT khối lý luận chính trị. Kết quả phỏng vấn cho thấy, Học viện nên mở rộng hơn việc nghiên cứu kinh điển về Chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời cập nhật những kết quả nghiên cứu mới của thế giới vào các môn Lý luận chính trị.

Học viện cần nghiên cứu để ký kết công nhận tín chỉ lẫn nhau giữa Học viện với một số trường đại học trong nước và nước ngoài.

Học viện cần xây dựng kế hoạch đăng ký KĐCL các CTĐT của Học viện để tự đánh giá và tiến tới đánh giá ngoài CTĐT nhằm đảm bảo tối thiểu 30% các CTĐT của Học viện hoàn thành việc đánh giá ngoài vào cuối năm 2020 theo Quy định của Bộ GD&ĐT.

Tiêu chuẩn 4. Hoạt động đào tạo

Khuyến nghị của Tiêu chuẩn 4

Học viện nên nghiên cứu để đảm bảo sự khác biệt rõ rệt giữa các chuyên ngành; nên nghiên cứu để nâng cấp chuyên ngành thành ngành; để hướng tới hội nhập, nên tổ chức đào tạo các chuyên ngành theo mô đun, mỗi chuyên ngành là một mô đun, người học được chọn tự do giữa các mô đun, không phân chỉ tiêu theo chuyên ngành. Học viện cần hướng dẫn và tiến tới tổ chức cho sinh viên thi

chứng chỉ ngoại ngữ tại các cơ sở được phép cấp chứng chỉ B1, B2 do Bộ GD&ĐT quy định.

Học viện cần nghiên cứu để cải tiến giao diện cổng thông tin điện tử đảm bảo việc đưa các thông tin về CTĐT, đề cương chi tiết, CDR cố định trên mục ba công khai. Học viên cần xây dựng các học phần có khối lượng từ 2-3 tín chỉ theo Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014; học phần có nhiều tín chỉ cần được tách ra thành “học phần 1”, “học phần 2” để đảm bảo người học không bị quá tải khi học

Học viện cần nghiên cứu tổ chức khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên một cách khoa học; Phiếu khảo sát cần được chuẩn hóa với các câu hỏi được thiết kế để thu thập các thông tin hữu ích phục vụ đúng mục tiêu khảo sát của từng đợt. Học viện cần có quy định về thời điểm triển khai các khảo sát, quy trình khảo sát và phương pháp xử lý số liệu, phân tích kết quả khảo sát và viết báo cáo với các khuyến nghị dựa trên các phân tích có tính khoa học để có thể theo dõi được sự tiến bộ trong hoạt động giảng dạy của giảng viên qua các năm. Việc khảo sát người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên cần được thực hiện ở tất cả các học phần trong từng học kỳ với tất cả các trình độ đào tạo trong Học viện.

Học viện cần xây dựng CSDL quản lý và công khai hóa thông tin văn bằng chứng chỉ đã cấp. Thông tin công khai hóa văn bằng cần đặt trong mục “Ba công khai” để thuận tiện tìm kiếm. Thông tin nên được đưa dưới dạng tra cứu theo từng trường thông tin khác nhau.

Học viện cần ban hành quy trình khảo sát thống nhất trong toàn Học viện trong đó quy định rõ mục đích và yêu cầu của từng loại khảo sát, các thời điểm khảo sát, chu kỳ khảo sát, các đầu mối chịu trách nhiệm khảo sát và sự phối kết hợp giữa các đầu mối trong việc thu thập và phân tích các kết quả khảo sát để đảm bảo sự kết nối giữa các thông tin thu thập và kết quả tổng hợp phân tích. Kết quả khảo sát cần được phân tích theo các cấp độ vĩ mô (toàn Học viện) và vi mô tới từng giảng viên, từng CTĐT và từng ngành tùy theo mục đích của từng

đợt khảo sát. Trên cơ sở kết quả khảo sát và ý kiến các bên liên quan khác điều chỉnh hoạt động đào tạo, CTĐT.

Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Khuyến nghị của Tiêu chuẩn 5

Học viện cần căn cứ vào Chiến lược phát triển tổng thể Học viện để xây dựng chiến lược riêng về lĩnh vực phát triển nhân lực, có kế hoạch và nguồn lực đảm bảo việc bồi dưỡng, tuyển dụng, bổ nhiệm CBQL đáp ứng mục tiêu phát triển toàn diện của Học viện.

Học viện cần định kỳ khảo sát ý kiến của CBGV, nhân viên, người lao động một cách bài bản. Lãnh đạo Học viện cần phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các khoa, bộ môn, phòng chức năng phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của mọi CBGV và nhân viên trong việc tham gia đóng góp ý kiến vào các chủ trương, kế hoạch, chiến lược cũng như các văn bản quản lý, điều hành của Học viện.

Hằng năm, Học viện cần định kỳ khảo sát CBQL và giảng viên về nhu cầu và nguyện vọng được học tập bồi dưỡng làm cơ sở để đưa ra các chuyên đề, các lớp/khóa đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn hoặc ưu tiên cử CBGV đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Hằng năm, Ban Tổ chức cán bộ cần phối hợp với lãnh đạo các đơn vị khảo sát mức độ hài lòng của CBVC, giảng viên và người lao động về thái độ hỗ trợ và chất lượng làm việc của CBQL Học viện. Ban Tổ chức cán bộ cần xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cho các CBQL, đặc biệt là các CBQL trẻ hoặc CBQL mới được tuyển dụng.

Học viện cần khảo sát, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực để cân đối với quy mô tuyển sinh của Học viện hằng năm. Học viện cần cân đối điều hòa số lượng học viên cao học do một giảng viên hướng dẫn để bảo đảm phù hợp với số lượng cho phép theo quy định trong Thông tư 15/2014/TT-BGD&ĐT ngày

15/5/2014 của Bộ GDĐT để đảm bảo chất lượng hướng dẫn luận văn trình độ thạc sĩ.

Ban Tổ chức cán bộ cần phối hợp với lãnh đạo các đơn vị và các giảng viên chưa đạt chuẩn cùng xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giúp các giảng viên này nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để đạt các tiêu chuẩn quy định. Đồng thời Học viện cần có chế độ hỗ trợ về thời gian và kinh phí, kèm theo chế tài hợp lý để các giảng viên chưa đạt chuẩn phải phấn đấu đạt các tiêu chuẩn quy định trong khung thời gian đã được thống nhất chung.

Các bộ môn, các khoa của Học viện cần định kỳ hàng năm tổ chức một số seminar để các chuyên gia và các giảng viên giỏi chia sẻ và trao đổi bồi dưỡng các giảng viên trẻ về kinh nghiệm, các phương pháp và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao tay nghề cho đội ngũ giảng viên trẻ và các kỹ năng triển khai các đề tài NCKH lớn.

Học viện cần có nghiên cứu và khảo sát đánh giá nhu cầu cũng như mức độ hài lòng của CBGV và người học đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, chuyên viên và cán bộ phục vụ của Học viện; đồng thời khảo sát nhu cầu học tập, phát triển của đội ngũ này để đảm bảo đáp ứng tốt các yêu cầu hoạt động và mục tiêu phát triển của Học viện. Học viện cần nghiên cứu và hỗ trợ, tạo cơ hội cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên được thăm quan, học tập nước ngoài để nâng cao nghiệp vụ cũng như trình độ ngoại ngữ.

Tiêu chuẩn 6: Người học

Tiêu chuẩn 7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và CGCN

Khuyến nghị của Tiêu chuẩn 7

Học viện cần kịp thời xây dựng kế hoạch KHCN trung hạn (5 năm) có lộ trình và các giải pháp huy động các nguồn lực để hiện thực hóa các mục tiêu của Chiến lược khoa học của Học viện

Học viện cần thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh theo từng lĩnh vực thuộc thế mạnh của Học viện để tham gia đấu thầu các đề tài/dự án thuộc chương trình khoa học công nghệ quốc gia; đồng thời phối hợp với các đối tác nước ngoài để khai thác các dự án/chương trình tài trợ thuộc lĩnh vực truyền thông.

Học viện nên có chính sách khuyến khích và hỗ trợ về kinh phí và thời gian để động viên CBGV học nâng cao năng lực ngoại ngữ để nâng cao năng lực tham gia các nghiên cứu hợp tác quốc tế và công bố trên các Tạp chí Quốc tế có uy tín.

Học viện nên khai thác các mối quan hệ học thuật của các khoa, các CBGV trong Học viện với các đối tác có tiềm lực khoa học mạnh để cùng phối hợp thành các nhóm NCKH để khai thác các nhu cầu/các vấn đề của các địa phương, các doanh nghiệp để xây dựng các NCKH đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Học viện cần đảm bảo cân đối các khoản chi trong việc đầu tư phát triển tiềm lực KHCN, đồng thời đảm bảo trích đủ tỷ lệ chi cho hoạt động NCKH của sinh viên theo Nghị định 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Học viện cần xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh có sự phối hợp với các cơ sở ngoài Học viện nhằm tìm kiếm các đề tài, dự án nghiên cứu đặt hàng của Nhà nước, của các đơn vị, địa phương cũng như của quốc tế. Học viện cần có cơ chế khuyến khích cán bộ giảng viên liên kết với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước trong NCKH và đăng tải các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học có uy tín.

Học viện cần có các hình thức tuyên truyền, phổ biến Luật sở hữu trí tuệ rộng rãi trong người học thông qua các phong trào, các sự kiện của Đoàn Thanh niên và Công đoàn Học viện; đồng thời hướng dẫn CBVC, giảng viên trong việc đăng ký sở hữu, đăng ký bản quyền kết quả NCKH.

Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế

Khuyến nghị của Tiêu chuẩn 8

Học viện cần cập nhật, tham chiếu các văn bản quản lý về HTQT như Nghị định 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Chính phủ Quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và Thông tư số 03/2014/TT-BGDĐT ngày 25/2/2014 của Bộ GD&ĐT về Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam để hoàn thiện quy chế quản lý hoạt động HTQT của Học viện.

Học viện cần có các hình thức tuyên truyền, phổ biến các quy định về HTQT của Học viện tới các CBGV, nhân viên và người học; đối với lưu học sinh, Học viện nên nghiên cứu hình thức phổ biến các quy định HTQT nói chung và các văn bản liên quan đến lưu học sinh bằng song ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh) để lưu học sinh nắm bắt đầy đủ hơn các quy định và những hỗ trợ của Học viện đối với lưu học sinh để yên tâm học tập tại Học viện.

Học viện nên nghiên cứu để phát triển chiến lược HTQT về lý luận chính trị, đồng thời mở rộng quan hệ HTQT với đa dạng các đối tác để khai thác thêm các nguồn lưu học sinh nước ngoài vào học tại Học viện, đặc biệt là lưu học sinh các nước trong trong khối ASEAN và sinh viên của Học viện sang học tại khuôn viên của các đối tác nước ngoài nhằm nâng cao vị thế HTQT của Học viện với các đối tác và gia tăng các nguồn thu hợp pháp cho Học viện.

Học viện nên thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh gồm những CBGV đã học tập ở nước ngoài và phối hợp với các nhà khoa học trong và ngoài Học viện để tham gia khai thác và đấu thầu các đề tài/dự án quốc tế về các lĩnh vực thuộc thế mạnh của Học viện. Học viện cần có cơ chế và các chế độ khuyến khích về thời gian và kinh phí để CBGV có điều kiện học nâng cao và duy trì năng lực ngoại ngữ để có thể tham gia hoạt động HTQT và có thêm nhiều bài báo công bố chung với các đối tác nước ngoài.

Tiêu chuẩn 9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Điểm mạnh của Tiêu chuẩn 9

Thư viện của Học viện có 21.307 đầu sách với 85.324 bản, trong đó có 14.995 đầu sách bằng tiếng Việt, 885 đầu sách tiếng nước ngoài, 5.427 tài liệu nội sinh, và trên 200 loại báo, tạp chí. Thư viện của Học viện được thiết kế có không gian mở, nhiều phòng đọc, hội thảo, có cửa từ để quản lý, theo dõi sách, tài liệu. Thư viện của Học viện được kết nối với thư viện của một số trường đại học khác như Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Viện Nghiên cứu Châu Âu, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Học viện có 90 phòng học với tổng diện tích là 7.543,72 m²; có 1 hội trường có 800 chỗ với sân khấu phục vụ cho luyện tập và biểu diễn văn nghệ và có 18 phòng thực hành.

Khu ký túc xá của Học viện gồm 203 phòng khép kín với diện tích 11.954,7m² có thể bố trí 980 chỗ ở; có trạm y tế gồm 1 bác sỹ và 3 nhân viên y tế với 2 phòng bệnh, có đầy đủ thuốc, dụng cụ y tế phục vụ sơ cấp cứu ban đầu.

Học viện có hệ thống trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH gồm 11 máy quay phim; 18 máy chụp ảnh kỹ thuật số, 5 bộ MIXER, 88 bộ âm ly, 107 máy chiếu. Học viện đã hợp đồng với công ty chuyên nghiệp để bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị dạy học.

Học viện có tổng số 651 máy tính, trong đó số máy tính dùng cho công tác quản lý là 329 máy, dùng cho giảng dạy và học tập là 322 máy; có 188 máy in, 107 máy chiếu.

Học viện có hệ thống cáp quang với dung lượng 150Mbps nội địa và 4Mbps quốc tế, có đường truyền giao ban trực tuyến giữa các đơn vị trong hệ thống Học viện CTQGHCM. Các máy tính của Học viện được nối mạng internet. Học viện đã phủ sóng wifi hầu hết các khu vực trong khuôn viên Học viện.

Học viện đã sử dụng một số phần mềm trong công tác quản lý như phần mềm Quản lý Đào tạo; phần mềm Kế toán; phần mềm Quản lý công văn, lưu trữ; phần mềm Quản lý tài liệu số, phần mềm chấm thi trắc nghiệm v.v... Tất cả các phần mềm đang sử dụng đều có bản quyền.

Tổng diện tích dành cho khu làm việc của Học viện là 19.630 m². Giám đốc và các Phó Giám đốc Học viện được bố trí phòng làm việc riêng có diện tích từ 51-73 m². Các đơn vị chức năng được bố trí từ 3-7 phòng làm việc, trong đó các Trưởng phòng, ban chức năng được bố trí phòng làm việc riêng có diện tích từ 20-15 m². Các khoa được bố trí từ 2-3 phòng với tổng diện tích từ 50-100m².

Học viện có tổng diện tích là 5,7310 ha, Học viện có quy hoạch tổng thể. Các công trình kiến trúc được xây dựng theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt. Học viện có khuôn viên thoáng, mát, nhiều cây xanh, có hệ thống giao thông nội bộ thông thoáng.

Học viện có tổ bảo vệ gồm 22 người được tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ bảo vệ, PCCC. Học viện đã xây dựng phương án PCCC được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thành lập các đội PCCC, xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và đã tổ chức diễn tập PCCC. Hằng năm, Học viện đã được Phòng cảnh sát PCCC của công an Tp. Hà Nội tiến hành kiểm tra về PCCC của Học viện. Học viện có văn bản phối hợp với công an địa phương trong việc đảm bảo an ninh trật tự trong Học viện. Trong thời gian qua, không có hiện tượng mất an ninh, trật tự, cháy nổ trong khuôn viên Học viện.

Tồn tại của Tiêu chuẩn 9

Học viện chưa tổ chức thẩm định giáo trình theo qui định tại Thông tư 04/2011/TT-BGDĐT ngày 28/1/2011 về Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình giáo dục đại học.

Kinh phí dành cho mua tài liệu, sách, báo, tạp chí của Thư viện chiếm tỉ lệ nhỏ so với tổng kinh phí của Học viện 5 năm có tổng số là 4,602 tỉ đồng, chiếm 0,5% tổng chi của Học viện. Việc quy định các học liệu (giáo trình) trong đề cương chi tiết của một số học phần chưa hợp lý (có học phần không có giáo trình chính, có học phần quy định tài liệu tham khảo nhưng Thư viện không có v.v...).

Học viện chưa có nhiều phòng để sinh viên tự học nên sinh viên phải tự học vào buổi tối.

Nội dung phiếu khảo sát chưa có đủ các câu hỏi có thể khai thác các thông tin hữu ích giúp đề xuất được các khuyến nghị nhằm cải tiến chất lượng phục vụ của hệ thống phòng học, phòng thực hành, trang thiết bị, thư viện v.v...

Học viện có 70 máy tính cũ đã hết khấu hao, nhưng chưa được thanh lý. Tốc độ đường truyền internet trong khuôn viên Học viện có lúc còn chậm. Số chỗ ở trong khu ký túc xá chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người học có nguyện vọng nội trú. Học viện chưa tiến hành thẩm duyệt hệ thống PCCC tòa nhà A1. Một số bình chữa cháy cũ, một số không có tem kiểm định.

Tiêu chuẩn 10. Tài chính và quản lý tài chính

Khuyến nghị của Tiêu chuẩn 10

Học viện cần sớm xây dựng Đề án tự chủ tài chính giai đoạn 2020-2025; cần ban hành chiến lược phát triển tài chính kèm theo lộ trình kế hoạch trung hạn, dài hạn phát triển các nguồn thu hợp pháp với các giải pháp để gia tăng các nguồn thu từ hoạt động NCKH-CGCN khai thác từ doanh nghiệp, hoạt động xã hội, tài trợ và HTQT.

Học viện cần rà soát, đánh giá các nguồn thu hợp pháp hằng năm; khảo sát các đơn vị trong Học viện về mức độ đáp ứng của tài chính đối với công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Nhà trường.

Học viện cần xây dựng cơ chế rõ ràng về tỷ lệ trích các nguồn thu hợp pháp của các đơn vị cấp 3 cho Học viện; cần có các giải pháp hữu hiệu để khai thác hiệu quả các nguồn thu hợp pháp khác.

Học viện cần xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả dự toán phân bổ tài chính của Học viện. Học viện cần đổi mới và chuẩn hóa các biểu mẫu về kế hoạch – tài chính; cần định kỳ hằng năm tổ chức Hội nghị tài chính cho các đơn vị thuộc Học viện; khảo sát hoặc phỏng vấn CBGV và các đơn vị trong Học viện về công tác lập kế hoạch và dự toán làm cơ sở để cải thiện công tác lập kế hoạch tài chính hằng năm ở các bộ phận, các đơn vị thuộc Học viện. Đặc biệt, Học viện

cần kịp thời tổ chức công tác tự kiểm tra kế toán theo khuyến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

Học viện cần đảm bảo phân bổ tài chính hợp lý để trích đủ 5% từ nguồn thu hợp pháp cho hoạt động phát triển tiềm lực NCKH, đặc biệt là phần kinh phí trực tiếp cho CBGV làm NCKH và trích đủ 3% từ nguồn thu học phí, lệ phí cho hoạt động NCKH của người học và 8% từ nguồn thu học phí chính quy cho học bổng khuyến khích học tập của người học.

Học viện cần đầu tư lớn hơn cho cơ sở vật chất, mở rộng phòng học, thư viện, học liệu; đồng thời cần có mức hỗ trợ kinh phí hợp lý hơn để khuyến khích CBGV có công bố khoa học trên các tạp chí thuộc danh mục ISI. Học viện cần cân đối điều hòa việc giảng dạy vượt giờ giữa các giảng viên để đảm bảo khối lượng vượt giờ nằm trong mức được phép.